

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
<b>I</b>	<b>Công trình dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</b>			<b>414.85</b>					
<b>1.1</b>	<b>Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh</b>			<b>414.85</b>					
<b>1.1.1</b>	<b>Đất quốc phòng</b>			<b>404.50</b>					
1	Căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ thành phố Uông Bí	CQP	P. Phương Đông và P. Thanh Sơn	392.70	LUC, HNK, CLN, RSX, SKS, DHT, ODT, SON, CSD	Quyết định số 4153 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2014 Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 Căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ thành phố Uông Bí		Tờ bản đồ số 1.2.3.9 BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2017
-	Căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ thành phố Uông Bí	CQP	P. Phương Đông	220.90	RSX, SKS, CSD	Quyết định số 4153 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2014 Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 Căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ thành phố Uông Bí		Tờ bản đồ số 1.2.3.9 BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2016
-	Căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ thành phố Uông Bí	CQP	P. Thanh Sơn	171.80	LUC, HNK, CLN, RSX, SKS, DHT, ODT, SON, CSD	Quyết định số 4153 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2014 Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 Căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ thành phố Uông Bí		Tờ bản đồ số 1.2.3.9 BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2016
2	Khôi phục phần đất thuộc Trận địa dự bị Tiểu đoàn 81 - Trung đoàn 238 - Sư đoàn 363 tại khu Đốc độ phường Phương Đông	CQP	P. Phương Đông	10.82	CLN, CQP, ODT				2017 - 2020
3	C6-D26-Lũ 603 tại xã Thượng Yên Công	CQP	X. Thượng Yên Công	0.98	RĐĐ, CQP				
<b>1.1.2</b>	<b>Đất an ninh</b>			<b>10.35</b>					
4	Trụ sở làm việc, kho quản lý phương tiện, thiết bị của các lực lượng công an Tỉnh và Bộ Công an đảm bảo an ninh trật tự phục vụ các sự kiện chính trị tại Yên Tử	CAN	X. Thượng Yên Công	1.50	RSX			Tờ BĐ số 01, BĐ ĐC xã TYC	2017
5	Trung tâm tìm kiếm cứu nạn thành phố Uông Bí	CAN	X. Điền Công	3.00	NTS, DHT, SON	QĐ số 4128/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2013 Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm tìm kiếm cứu nạn thành phố Uông Bí	Nghị quyết 200/NQ-HĐND 15/7//2015	Tờ bản đồ số 32, BĐĐC xã Điền Công, đo vẽ năm 2009	2016
6	Trạm Công an phường Phương Đông	CAN	P. Phương Đông	0.25	HNK				
7	Đội chữa cháy và CNCH Vàng Danh	CAN	P. Vàng Danh	0.30	CSD				
8	Trụ sở công an thành phố Uông Bí	CAN	P. Phương Nam	5.30	LUC, HNK, CAN				
<b>1.2</b>	<b>Công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng</b>								
<b>1.2.1</b>	<b>Công trình dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất</b>								
<b>1.2.2</b>	<b>Công trình dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi</b>								
<b>1.2.3</b>	<b>Công trình dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất</b>								
<b>II</b>	<b>Công trình, dự án cấp huyện (thành phố)</b>				<b>#REF!</b>				
<b>2.1</b>	<b>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất</b>			<b>2320.31</b>	<b>0.00</b>				
<b>2.1.1</b>	<b>Đất cụm công nghiệp</b>			<b>75.00</b>					
9	Cụm công nghiệp liên phường Phương Đông - Phương Nam	SKN	P. Phương Đông, Phương Nam	75.00	LUA, CLN, NTS, SKC, DHT, ODT, SON	Tờ trình số 287/TTr-UBND TP. Uông Bí ngày 06 tháng 11 năm 2015V/v bổ sung Cụm công nghiệp liên phường Phương Đông - Phương Nam, Cụm công nghiệp Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh QĐ 178 16/1/2017 vv Thành lập cụm công nghiệp liên phường Phương Đông-Phương Nam TP. Uông bí, tỉnh Quảng Ninh		Tờ bản đồ số 95, 97-100, 102, BĐĐC phường Phương Đông và tờ BĐ số 7, 8, 51, 52, 66-68, 82, 83, BĐĐC phường Phương Nam, đo vẽ năm 2004	2017
-	Cụm công nghiệp liên phường Phương Đông - Phương Nam	SKN	P. Phương Đông	30.50	LUK, NTS, SKC, DHT, SON	Tờ trình số 287/TTr-UBND TP. Uông Bí ngày 06 tháng 11 năm 2015V/v bổ sung Cụm công nghiệp liên phường Phương Đông - Phương Nam, Cụm công nghiệp Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh QĐ 178 16/1/2017 vv Thành lập cụm công nghiệp liên phường Phương Đông-Phương Nam TP. Uông bí, tỉnh Quảng Ninh		Tờ bản đồ số 95, 97-100, 102, BĐĐC phường Phương Đông và tờ BĐ số 7, 8, 51, 52, 66-68, 82, 83, BĐĐC phường Phương Nam, đo vẽ năm 2004	2016

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
-	Cụm công nghiệp liên phường Phương Đông - Phương Nam	SKN	P. Phương Nam	44.50	LUC, LUK, CLN, NTS, DHT, ODT,	Tờ trình số 287/TTr-UBND TP. Uông Bí ngày 06 tháng 11 năm 2015/v bổ sung Cụm công nghiệp liên phường Phương Đông - Phương Nam, Cụm công nghiệp Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh QĐ 178 16/1/2017 vv Thành lập cụm công nghiệp liên phường Phương Đông-Phương Nam TP. Uông bí, tỉnh Quảng Ninh		Tờ bản đồ số 95, 97-100, 102, BĐĐC phường Phương Đông và tờ BD số 7, 8, 51, 52, 66-68, 82, 83, BĐĐC phường Phương Nam, đo vẽ năm 2004	2016
<b>2.1.2</b>	<b>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</b>			<b>182.55</b>					
10	Hệ thống vận chuyển than từ kho Khe Ngát ra cảng Điền Công	SKS	P. Bắc Sơn, Quang Trung, X. Điền Công	21.70	LUK, HNK, NTS, SKS, SKC, DHT, ODT, SON	QĐ số 3597 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2013 Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch kho than Khe Ngát và hệ thống vận chuyển than từ kho than Khe Ngát ra cảng Điền Công của Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	Nghị quyết 229/NQ-HĐND ngày 12/12//2015	BĐ ĐC phường Bắc Sơn, Quang Trung, xã Điền Công, đo vẽ năm 2004	2017
-	Hệ thống vận chuyển than từ kho Khe Ngát ra cảng Điền Công	SKS	P. Bắc Sơn	11.82	SKC	QĐ số 3597 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2013 Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch kho than Khe Ngát và hệ thống vận chuyển than từ kho than Khe Ngát ra cảng Điền Công của Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	Nghị quyết 229/NQ-HĐND ngày 12/12//2015	BĐ ĐC phường Bắc Sơn, Quang Trung, xã Điền Công, đo vẽ năm 2004	2017
-	Hệ thống vận chuyển than từ kho Khe Ngát ra cảng Điền Công	SKS	P. Quang Trung	7.48	LUK, HNK, NTS, SKS, DHT, ODT, SON	QĐ số 3597 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2013 Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch kho than Khe Ngát và hệ thống vận chuyển than từ kho than Khe Ngát ra cảng Điền Công của Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	Nghị quyết 229/NQ-HĐND ngày 12/12//2015		2017
-	Hệ thống vận chuyển than từ kho Khe Ngát ra cảng Điền Công	SKS	X. Điền Công	2.40	HNK, NTS	QĐ số 3597 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2013 Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch kho than Khe Ngát và hệ thống vận chuyển than từ kho than Khe Ngát ra cảng Điền Công của Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	Nghị quyết 229/NQ-HĐND ngày 12/12//2015		2017
11	Mặt bằng sân công nghiệp, kho mìn công ty than Uông Bí	SKS	P. Vàng Danh	5.40	RSX	Công văn số 3905/UBND-QLDD1, ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh	Nghị quyết 229/NQ-HĐND ngày 12/12//2015	Tờ BD lâm nghiệp Phường Vàng Danh	2016
12	Bãi đỗ thải + 410 Đồng Vông	SKS	P. Vàng Danh	8.92	RSX	Quyết định số 290 /QĐ-UBND Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bãi đỗ thải +410 mỏ than Đồng Vông tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí			2019
13	Công ty chế biến Than Quảng Ninh	SKS	P. Vàng Danh	2.90	RSX	Quyết định số 3014 số QĐ/UBND tỉnh ngày 20/9/2016 về việc cho công ty chế biến than Quảng Ninh - TKV thuê đất giai đoạn 1; Quyết định số 2609 QĐ-UBND ngày 4/7/2017 của ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi đất của công ty cổ phần than Vàng Danh cho công ty chế biến than Quảng Ninh- TKV thuê đất			2016
14	Hệ thống thiết bị , hạ tầng phục vụ tiếp nhận than từ mỏ Đồng Vông đến nhà máy sàng tuyển Vàng Danh 2 tại Phường Vàng Danh	SKS	P. Vàng Danh	1.61	SKS, RSX	QĐ số 93/UBND-QLĐT ngày 07/05/2019 của UBND TP Uông Bí về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500			2018-2020
15	Mặt bằng sản xuất phân xường Đồi sống khu cánh gà Vàng Danh	SKS	P. Vàng Danh	0.43	CLN, ODT,DHT, RSX, SON	Khu đất công ty đã giải phóng mặt bằng và di dân theo kiến nghị, tại Cánh gà khu 9 phường Vàng Danh			2016
16	Mặt bằng cửa lò thực tập cho học sinh trường CĐ nghề - TKV	SKS	P. Vàng Danh	1.17	RSX	Hồ sơ UBND Thành phố đã có tờ trình và gửi sở TNMT, trình UBND tỉnh Quảng Ninh			2016
17	Mặt bằng sản xuất khu 034 Vàng Danh	SKS	P. Vàng Danh	1.30	NTS, CLN, ODT, SON	UBND Thành phố đã phê duyệt Quy hoạch tại QĐ số 4536/QĐ - UB ngày 24/10/2014			2016
18	Mặt bằng cửa lò gió + 230	SKS	P. Vàng Danh	0.28	RSX				2016

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
19	Dự án Kho than dự trữ tại thôn Quang Điền, xã Thượng Yên công và khu 3, phường Vàng Danh (công ty Môi trường - Vinacomin)	SKS	P. Vàng Danh	10.30	SKS				2016
20	Bãi chứa than + 36 CT than Uông Bí	SKS	P. Vàng Danh	4.00	RSX				2017
21	Dự án: Đầu tư xây dựng nhà trạm quạt mức + 215 khu Cánh Gà	SKS	X. Thượng Yên Công	0.70	CSD	QĐ số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính Phủ; Phương án Quy hoạch số 11406/PA-TVD-ĐTM ngày 12/9/2016			2019
22	Kho chế biến than, cảng, tuyến băng tải vận chuyển than - Công ty Đông Bắc	SKS	P. Phương Nam	5.36	NTS, DHT, SON	QĐ số 262/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2015 Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cảng xuất than tại xã Hồng Thái Tây, huyện Đông Triều và phường Phương Nam, thành phố Uông Bí		Tờ 69; 84 BĐĐC phường Phương Nam, đo vẽ năm 2008	2016
23	Điều chỉnh, mở rộng bãi chế biến than Uông Thượng tại phường Vàng Danh (Công ty than Uông Bí - TKV)	SKS	P. Vàng Danh	13.31	RSX	QĐ số 5046/QĐ-UBND TP. Uông Bí vv phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, mở rộng bãi chế biến than Uông Thượng		Tờ 2, thửa 66	2018
24	Khu khai thác khối Nam mỏ than Đông Tráng Bạch (Công ty xi măng XD QN)	SKS	P. Phương Đông	16.20	CLN, RSX, SKS, DHT, ODT, SON, CSD				2017 - 2020
25	18 hộ dân trong đề án di dời chống sạt lở, nguy hiểm của Công ty Than	SKS	P. Vàng Danh	1.32	CLN, RSX, ODT				2018
26	Bãi đỗ thải 1, 2 tuyển than Khe Thôn	SKS	X. Thượng Yên Công	35.40	RSX				2020
27	Dự án đầu tư xây dựng bãi đỗ thải Tiểu khu 33 Than Thùng	SKS	X. Thượng Yên Công	43.51	RSX	Văn bản 2548 UBND-QH1, QĐ 3508 QĐ -TNM		Tờ BĐ số 02 - BĐ ĐC xã Thượng Yên Công đo vẽ năm 2004	2017
28	Mở rộng kho chứa than mặt bằng xưởng sàng +130 Khu Than Thùng - Công Ty Than Nam Mẫu - TKV	SKS	X. Thượng Yên Công	8.74	RSX, SKS				2017
2.1.3	<b>Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã</b>			<b>382.39</b>					
2.1.3.1	<i>Đất giao thông</i>			<i>280.00</i>					
29	Tuyến đường dây 220kV Uông Bí -Quảng Yên	DGT	P. Bắc Sơn	0.18	HNK, RSX				2017-2020
30	Đường Tránh phía Nam	DGT	P. Phương Nam, Yên Thanh, Quang Trung, Điện Công, Nam Khê	163.47	LUK, LUC, HNK, CLN, NTS, SKC, DHT, ODT, SON	Số 658/KHDT-TĐGSĐT của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư ngày 23 tháng 3 năm 2015 V/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh phía nam thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo hình thức BT		Bản đồ địa chính các xã phường: Phương Đông, Phương Nam, Yên Thanh, Quang Trung, Điện Công, Nam Khê	2017
-	<i>Đường tránh phía Nam</i>	<i>DGT</i>	<i>P. Nam Khê</i>	<i>21.74</i>	<i>LUC, HNK, CLN, NTS, DHT, ODT</i>	<i>Số 658/KHDT-TĐGSĐT của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư ngày 23 tháng 3 năm 2015 V/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh phía nam thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo hình thức BT</i>		<i>Công trình dạng tuyến</i>	<i>2017</i>
-	<i>Đường tránh phía Nam</i>	<i>DGT</i>	<i>P. Phương Nam</i>	<i>49.97</i>	<i>LUK, LUC, HNK, NTS, SKC, DHT, ODT, SON</i>	<i>Số 658/KHDT-TĐGSĐT của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư ngày 23 tháng 3 năm 2015 V/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh phía nam thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo hình thức BT</i>			<i>2017</i>
-	<i>QH đường tránh phía Nam</i>	<i>DGT</i>	<i>P. Yên Thanh</i>	<i>56.77</i>	<i>LUK, LUC, CLN, NTS, DHT, ODT, SON</i>	<i>Số 658/KHDT-TĐGSĐT của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư ngày 23 tháng 3 năm 2015 V/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh phía nam thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo hình thức BT</i>		<i>Công trình dạng tuyến</i>	<i>2017</i>

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
-	Đường tránh phía Nam	DGT	P. Quang Trung	18.50	LUC, LUC, CLN, NTS, DHT	Số 658/KHDT-TĐGSĐT của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư ngày 23 tháng 3 năm 2015 V/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh phía nam thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo hình thức BT			2017
-	Đường tránh phía Nam	DGT	X. Diên Công	16.49	LUC, CLN, NTS, DHT	Số 658/KHDT-TĐGSĐT của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư ngày 23 tháng 3 năm 2015 V/v phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh phía nam thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo hình thức BT			2017
31	Quốc lộ 18 - Bắc Ninh - Uông Bí	DGT	P. Phương Đông	2.22	CLN, DHT, ODT, CSD,	QĐ số 143/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 16 tháng 01 năm 2015 V/v phê duyệt Mặt bằng tuyến và ranh giới giải phóng mặt bằng tỷ lệ 1/1.000 Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Bắc Ninh - Uông Bí (Đoạn qua địa phận tỉnh Quảng Ninh)		Tờ bản đồ 45- 47, 52-56, 65 - 68, 77, 78, BĐĐC phường Phương Đông, đo vẽ năm 2004	2017
32	Bến xe phía Tây thành phố	DGT	P. Phương Đông	2.10	LUC	Quyết định số 5036/QĐ-UBND, ngày 12/8/2015, của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu đô thị Bí Trung của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 18,1 tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí.	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ bản đồ số 89, 90, 94, BĐĐC phường Phương Đông, đo vẽ năm 2004	2017
33	Đường nối QL 18 ra đường 10	DGT	P. Phương Đông	2.70	LUC, CLN, DHT, ODT				
34	Xây dựng đường từ cầu Bắc Sơn đến cầu Vành Lược thuộc dự án đầu tư xây dựng 1 số tuyến đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân	DGT	Bắc Sơn, Vàng Danh	5.59	LUC, CLN, RSX,ODT, DHT	QĐ số 61/QĐ-UBND ngày 10/1/1011 vv phê duyệt dự án đầu tư xây dựng 1 số tuyến đường hành hương vào khu di tích yên tử và di tích ngọa vân ; QĐ số 7946/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND TP UB phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản	Văn bản số 275/HĐND - KTNS ngày 31/05/2018 của thường trực HDND tỉnh		2018
35	Mở rộng tuyến Đốc Đò - Nam Mẫu đường vào Yên Tử	DGT	P. Phương Đông, X. Thượng Yên Công	8.90	LUC, LUK, HNK, CLN, RSX, RDD, SKS, DHT, ONT, ODT, TSC, TON	QĐ số 3333 /QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2015 Về việc phê duyệt Dự án Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18 vào khu di tích Yên Tử, đoạn từ Đốc Đò đến ngã tư Nam Mẫu - Gai đoạn 1; Quyết định 1134/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc chấp thuận Sơ đồ hướng tuyến Tuyến đường từ Đốc Đò đến ngã tư Nam Mẫu tại phường Phương Đông và xã Thượng Yên Công			2017
-	Mở rộng tuyến Đốc Đò - Nam Mẫu (đường vào Yên Tử) (Đoạn thuộc P. Phương Đông)	DGT	P. Phương Đông	5.59	LUC, LUK, HNK, CLN, RDD, SKS, ODT	QĐ số 3333 /QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2015 Về việc phê duyệt Dự án Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18 vào khu di tích Yên Tử, đoạn từ Đốc Đò đến ngã tư Nam Mẫu - Gai đoạn 1; Quyết định 1134/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc chấp thuận Sơ đồ hướng tuyến Tuyến đường từ Đốc Đò đến ngã tư Nam Mẫu tại phường Phương Đông và xã Thượng Yên Công	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Công trình dạng tuyến	2017
-	Mở rộng tuyến Đốc Đò - Nam Mẫu (đường vào Yên Tử) (Đoạn thuộc xã TYC)	DGT	X. Thượng Yên Công	3.31	LUC, CLN, RDD, DHT, RSX, ONT, TSC	QĐ số 3333 /QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2015 Về việc phê duyệt Dự án Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18 vào khu di tích Yên Tử, đoạn từ Đốc Đò đến ngã tư Nam Mẫu - Gai đoạn 1; Quyết định 1134/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc chấp thuận Sơ đồ hướng tuyến Tuyến đường từ Đốc Đò đến ngã tư Nam Mẫu tại phường Phương Đông và xã Thượng Yên Công	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Công trình dạng tuyến	2017

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
36	Cầu miếu Thán	DGT	P. Vàng Danh	1.20	LUC, HNK, CLN, DHT, ODT, SON	Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBND thành phố Uông Bí "Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng dự án Cầu dân sinh Miếu Thán và Đập tràn phía Đông trường Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí".	Công văn số 687/HĐND-KTNS ngày 03/11/2016 của Thường trực HĐND tỉnh; Nghị quyết 44/NQ-HĐND 7/12/2016		2017 - 2020
37	Xây dựng Cầu Hai Thanh	DGT	P. Bắc Sơn	0.08	DHT	QĐ số 5399/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND TP UB phê duyệt chủ trương đầu tư ; QĐ số 6222/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND TP UB về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự án xây dựng công trình	Văn bản số 275/HDND-KTNS ngày 31/05/2018 của Thường trực HĐND tỉnh		2018
38	Quy hoạch điểm rửa xe tập trung tại khu Miếu Thán - Phường Vàng Danh	DGT	P. Vàng Danh	0.25	LUC				2017
39	Dự án: Sân bãi đỗ xe	DGT	P. Vàng Danh	0.24	DHT	QĐ số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính Phủ; Phương án Quy hoạch số 1066/PA-TVD-ĐTM ngày 14/7/2016			2017
40	Đường liên huyện Hoành Bồ - Uông Bí	DGT	P. Vàng Danh	10.78	HNK, CLN, RSX, NTS, DHT, ODT, SON	QĐ số 3337/QĐ-UBND ngày 11/11/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án ; QĐ số 3636/QĐ-UBND ngày 25/09/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án	văn bản số 441/HDND-KTNS ngày 15/08/2018 của HDND tỉnh		2018
41	Đường đầu nối từ đường 18 đến bờ kênh làm mát	DGT	P. Quang Trung	0.85	DHT, MNC, CSD	QĐ số 3609/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2014 Về việc phê duyệt Quy hoạch mặt bằng đường vượt nối phía Đông nhà máy nước Đồng Mây		Tờ bản đồ số 60, 61, 67, 95, BĐĐC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2017
42	Bãi đỗ xe	DGT	P. Quang Trung	0.30	LUK	QĐ số 2318/QĐ-UBND TP.Uông Bí ngày 22 tháng 4 năm 2015 về việc phê duyệt Quy hoạch mặt bằng bãi đỗ xe tỷ lệ 1/500 tại phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh		Tờ bản đồ số 25, 33, BĐĐC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2005	2016
43	Tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng khu di tích quốc gia đặc biệt Yên Tử	DGT	X. Thượng Yên Công	1.76	CLN, RDD, DHT, SON	Số 8424/BKHĐT-KTNN ngày 27 tháng 10 năm 2015 V/v thẩm định nguồn vốn và phân bổ ngân sách trung ương đối với dự án đường tuần tra bảo vệ rừng và khu di tích Quốc gia đặc biệt Yên Tử, TP Uông Bí , Tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 3377/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh	Tờ BĐ số , BĐĐC xã Thượng Yên Công, đo vẽ năm 2004	2016
44	Đường giao thông liên khu Nam Sơn - Nam Tân , đoạn từ khu quy hoạch trung tâm hành chính mới phường Nam Khê đến tiểu đoàn 16 Phường Nam Khê	DGT	P. Nam Khê	1.20	CLN, ODT, LUC, MNC	QĐ số 6738/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 Của UBND TP UB VV phê duyệt Quy hoạch mặt bằng hướng tuyến công trình : đường giao thông liên khu Nam Tân, Nam Sơn , Nghị quyết số HDND số 39/NQ-UDDND ngày 30/07/2018 của HĐND phường Nam Khê	nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HDND tỉnh Quảng Ninh		2018
45	Mở rộng tuyến đường cứu hộ đê tuyến đê Nam Điền Công ( đoạn từ nhà văn hóa thôn 2 đến đê phía nam Điền Công)	DGT	X. Điền Công	0.20	DHT, NTS	QĐ số 5747/QĐ-UBND ngày 19/09/2018 về phê duyệt chủ trương đầu tư ; QĐ 4176/QĐ-UBND ngày 30/07/2018 của UBND TP Uông Bí phê duyệt danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018			2018
46	Mở rộng Bến xe quay đầu dốc hạ kịu và đường lên dốc hạ kịu tại khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử	DGT	X. Thượng Yên Công	9.00	RSX, DHT	Quyết định 1881/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh "V/v Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng bến xe quay đầu dốc Hạ Kịu và đường lên dốc Hạ Kịu tại khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	QĐ số 3377/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh	BĐĐC xã Thượng Yên Công, đo vẽ năm 2004	2016

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
-	Mở rộng đường lên dốc Hạ Kiệu	DGT	X. Thượng Yên Công	1.50	RSX, DHT	Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết QĐ 3377/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND tỉnh	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 07/12/2016		2017
-	Mở rộng Bến xe quay đầu dốc Hạ Kiệu	DGT	X. Thượng Yên Công	7.50	RSX	Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết QĐ 3377/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND tỉnh	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 07/12/2016		2017
47	Dự án đầu tư xây dựng Cầu qua suối Nam Mẫu	DGT	X. Thượng Yên Công	0.80	LUC, DHT, ONT, SON	Văn bản 5863/UBND-GT1 ngày 20/9/2016	Văn bản 5863/UBND-GT1 ngày 20/9/2016		2017
48	Điểm rửa xe tập trung phường Phương Đông	DGT	P. Phương Đông	0.50	LUK				2017
49	Đường trung tâm P.Phương Đông - Phương Nam	DGT	P. Phương Đông	11.29	LUC, LUK, HNK NTS, DHT, ODT, NTD, CSD				2017
50	Đường Liên Huyện	DGT	P. Phương Nam	2.00	CLN				2017
51	Điểm rửa xe tập trung khu khe thần - Phường Vàng Danh	DGT	P. Vàng Danh	0.25	RSX				
52	Đường liên phường Phương Đông - Thanh Sơn (thuộc địa phận P. Phương Đông)	DGT	P. Phương Đông	8.96	LUC, HNK, CLN, DHT, ODT,	Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh "V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: đường giao thông liên xã Thanh Sơn - Phương Đông, thị xã Uông Bí, đoạn từ ngã ba vào Hồ Yên Trung đến ngã ba đường du lịch Yên Tử (giai đoạn 1)".	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7/2016	Tờ BĐ số 22, 28, 29, 30, 31, 40, 41, 59, BĐ ĐC phường Phương Đông	2018
53	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối với đường tránh phía nam Thành phố	DGT	P. Thanh Sơn, Yên Thanh	2.26	CLN, ODT, DHT	QĐ phê duyệt QH tuyến đường 7152/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND TP Uông Bí ; QĐ số 7018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 v/v phê duyệt dự án đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối với đường tránh phía nam thành phố ; QĐ 4176/QĐ-UBND ngày 30/07/2018 của UBND TP UB phê duyệt danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018			2018
54	Tuyến đường gom QL 18A đoạn từ phố Hòa Bình đến phố Yên Thanh TP Uông Bí	DGT	P. Yên Thanh	0.23	DHT	QĐ số 5746/QĐ-UBND ngày 19/09/2018 phê duyệt chủ trương đầu tư			2018
55	Đường giao thông liên phường Trung Vương -Bắc Sơn đoạn từ đập tràn nhà máy nhiệt điện Uông Bí đến khu 12 khe ( GĐ1 từ đập tràn nhà máy điện đến cầu Hai Thanh)	DGT	P.Trung Vương, Bắc Sơn	3.84	CLN, DHT, ODT	QĐ số 6339/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tp UB về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công -tổng dự toán xây dựng công trình; đường giao thông liên phường Trung Vương- Bắc Sơn đoạn từ đập tràn nhà máy nhiệt điện đến khu 12 khe ( GĐ 1 )	văn bản 275/HĐND-KTNS ngày 31/05/2018 của thường trực HDND tỉnh		2018
56	Đầu nối tuyến đường gom dự án của cty TNHH sao vàng và dự án khu đô thị Công Thành Phường Yên Thanh	DGT	P. Yên Thanh	0.84	DHT, CLN	QĐ số 5889/QĐ-UBND ngày 25/09/2018 của UBND TP UB về việc phê duyệt mặt bằng QH Đầu nối tuyến đường gom dự án của cty TNHH Sao Vàng và dự án khu đô thị Công Thành			2018
57	Đường bê Tông từ đập tràn Miếu Thán đến Khu Tái định cư Máng Lao	DGT	P. Vàng Danh	0.06	CLN	QĐ số 260/QĐ-UBND ngày 08/09/2016 của UBND phường Vàng Danh về chủ trương đầu tư dự án : QĐ số 6973/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND TP UB về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình ; QĐ số 7946/QĐ-UBND ngày 26/12/2027 của UBND TP uông bí phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản	Văn bản số 275/HĐND - KTNS của thường trực HĐND tỉnh		2018

**Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

*( Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
58	Đường đập tràn nhà máy nhiệt điện đến đập tràn (gần gđ Bà Phi)	DGT	P. Bắc Sơn	3.89	HNK, CLN, RSX, DHT, ODT, SON, CSD			BĐ ĐC phường Bắc Sơn do vẽ năm 2004	2017
59	Tuyến đường trục chính khu phức hợp đô thị công nghệ cao đoạn tuqf nút giao thông giữa đường Trần Hưng Đạo kéo dài TP Uông Bí đến ranh giới khu CN sông khoai thị xã Quảng Uyên.	DGT	X. Điền Công, P. Yên Thanh, Quang Trung	30.20	NTS, LUK				2020
60	Điểm rửa xe tập trung khu 11 - Phường Quang Trung	DGT	P. Quang Trung	0.48	NTS	Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2016 của UBND thành phố Uông Bí về Phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất điểm rửa xe tập trung tỷ lệ 1/500 tại khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí		Thửa 35,37,43 Tờ 110 BĐ ĐC Phường Quang Trung	2017
61	Khu trung tâm Thành phố tại Phường Thanh Sơn, Quang Trung	DGT	P. Quang Trung, Thanh Sơn	0.92	CLN, DHT	QĐ số 5871/QĐ-UBND ngày 24/09/2018 của UBND TP uông bí vv phê duyệt điều chỉnh cục bộ tổng mặt bằng sử dụng đất và sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan thuộc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm TP ; QĐ 515/QĐ-UBND ngày 19/07/2018 vv điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NS TP giai đoạn 2016-2020			2018
62	Chỉnh trang khu vực trung tâm thành phố ( hồ công viên và đường nội bộ từ trụ sở Phường Quang Trung mới xuống hồ công viên )	DGT	P. Quang Trung	0.01	DHT	QĐ số 6342/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 vv phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình			2018
63	Điểm rửa xe Miếu Bông	DGT	X. Thượng Yên Công	2.63	CLN				2017-2020
2.1..23	<i>Đất thủy lợi</i>			21.82					
64	Kè chống xói lở sông Vàng Danh đoạn qua khu dân cư tổ 8, khu 2, phường Bắc Sơn	DTL	P. Bắc Sơn	1.10	CLN, DHT, ODT, CSD	QĐ số 842/QĐ-UBND thành phố Uông Bí ngày 25 tháng 3 năm 2016 V/v phê duyệt dự án đầu tư Kè chống xói lở sông Vàng Danh đoạn qua khu dân cư tổ 8, khu 2, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí		Tờ BĐ số 20, 23, 24, 26, 28, 29, 31, BĐ ĐC phường Bắc Sơn	2016
65	Kè chống xói mòn, sạt lở bờ sông Sinh	DTL	P. Thanh Sơn	0.65	CLN	QĐ số 4149/QĐ-UBND Thị xã Uông Bí ngày 11 tháng 10 năm 2011 V/v phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công- tổng dự toán xây dựng công trình: Nạo vét lòng sông, xây kè chống xói lở dòng sông Sinh, đoạn từ cầu sông Sinh 3 đến tổ 3, khu 9, phường Thanh Sơn, Thị xã Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ bản đồ số 67;78 BDDC phường Thanh Sơn do vẽ năm 2004	2016
	Kè , đập chắn đá đá suối số 5 Than Thùng	DTL	X. Thượng Yên Công	0.12	CSD, CLN				2019-2020
66	Nạo vét, xây kè bảo vệ 2 bên bờ suối thượng lưu cầu Lán Tháp, P. Vàng Danh	DTL	P. Vàng Danh	0.71	DHT, ODT	QĐ số 3420/QĐ-UBND thành phố Uông Bí ngày 16 tháng 11 năm 2010 V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Nạo vét, xây kè bảo vệ hai bên bờ suối thượng lưu cầu Lán Tháp, phường Vàng Danh, TP Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ BĐ số 96, 99, 100, 101, 103, 105 BĐ ĐC phường Vàng Danh do vẽ năm 2004	2016
67	Đập tràn phía Đông trường Hoàng Văn Thụ	DTL	P. Vàng Danh	0.35	LUC, CLN, RSX, SON	Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBND thành phố Uông Bí "Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng dự án Cầu dân sinh Miếu Thán và Đập tràn phía Đông trường Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí".	Công văn số 687/HĐND-KTNS ngày 03/11/2016 của Thường trực HĐND tỉnh		2017 - 2020

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
68	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu đô thị, thành phố Uông Bí (đoạn từ cầu S.Sinh đến C Sển)	DTL	P. Yên Thanh	6.59	LUC, HNK	Quyết định 7028/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 v/v phê duyệt DA đầu tư XD công trình: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu đô thị, thành phố Uông Bí (đoạn từ cầu S.Sinh đến C Sển)	Đã thông qua tại nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/7/2016, tuy nhiên dự án phải giãn hoãn đầu tư. Năm 2018 điều chỉnh dự án đầu tư	Thửa 177;184-187;175;193-359 Tờ bản đồ số 12 BDDC phường Yên Thanh đo vẽ năm 2004	2019
69	Xây dựng rãnh thoát nước phía đông đường đôi Trần Hưng Đạo kéo dài ( thuộc tổ 1A khu 1 phường Yên Thanh)	DTL	P. Yên Thanh	0.01	ODT	QĐ số 195A/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của UBND phường Yên Thanh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư ; QĐ số 231/QĐ-UBND ngày 28/10/2017 của UBND phường Yên Thanh ; Nghị quyết số 287/2017/NQ-QH-HĐND ngày 14/07/2017 của HĐND TP	nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Ninh		2018
70	Kè chống xói lở hạ lưu bờ sông Sinh đoạn thuộc phường Yên Thanh và phường Quang Trung (Tổng diện tích này thuộc phường Yên Thanh - Tên đề cả phường QT để sau xin chỉ tiêu)	DTL	P. Yên Thanh	2.55	NTS, DHT, ODT, MNC, CSD	QĐ số 4149/QĐ-UBND Thị xã Uông Bí ngày 11 tháng 10 năm 2011 V/v phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công- tổng dự toán xây dựng công trình: Nạo vét lòng sông, xây kè chống xói lở dòng sông Sinh, đoạn từ cầu sông Sinh 3 đến tổ 3, khu 9, phường Thanh Sơn, Thị xã Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ số 10, 17, 25 BĐDC phường Yên Thanh, đo vẽ năm 2004	2016
71	Mở rộng nhà máy nước Đồng Mây	DTL	P. Quang Trung	8.63	DTL			Đã thể hiện trên BDHT năm 2014 phường Quang Trung	2016
72	Sửa chữa, nâng cấp đập bãi Dâu	DTL	X. Thượng Yên Công	0.17	ONT	QĐ số 6940/QĐ-UBND thành phố Uông Bí ngày 26 tháng 10 năm 2015 V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng Công trình: Sửa chữa, nâng cấp đập Bãi Dâu xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ BĐ số , BĐDC xã Thượng Yên Công, đo vẽ năm 2004	2016
73	Bổ sung cống hộp tại đoạn rẽ Trạm y tế xã Thượng Yên Công trên tuyến đường vào Yên Tử, thành phố Uông Bí	DTL	X. Thượng Yên Công	0.06	LUC	QĐ số 7079/QĐ-UBND thành phố Uông Bí ngày 30 tháng 10 năm 2015 V/v phê duyệt Báo Cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng Công trình: Bổ sung cống hộp đoạn rẽ Trạm Ye tế xã Thượng Yên Công trên tuyến đường vào Yên Tử, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2017	Tờ BĐ số 3, BĐDC xã Thượng Yên Công, đo vẽ năm 2004	2016
74	Trạm bơm tăng áp Nam Khê	DTL	P. Nam Khê	0.38	DTL			Tờ BĐ số 30,41 BDDC Nam Khê	
75	Trạm xử lý nước thải Yên Thanh	DTL	P. Yên Thanh	0.50	MNC				2017-2020
76	Dự án tiêu thoát nước khu vực Cửa Đền và khu Láng Cà thuộc xã Hồng Thái Tây, Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều và khu vực phía Bắc phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	DTL	Phương Nam	1.18	NTS, CLN, LUC	Quyết định số 4839/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh QN v/v phê duyệt DA QH chi tiết Thủy lợi QN đến 2020 và định hướng đến năm 2030; QĐ số 44 ngày 07/9/2018 của UBND tỉnh v/v PD chủ trương đầu tư DA:Dự án tiêu thoát nước khu vực Cửa Đền và khu Láng Cà thuộc xã Hồng Thái Tây, Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều và khu vực phía Bắc phường Phương Nam, TP UB			2018
2.1.3.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo			51.86					
77	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	DGD	P. Bắc Sơn	0.15	CSD			BĐ ĐC phường Bắc Sơn đo vẽ năm 2004	2017
78	Quy hoạch đất giáo dục thuộc quy hoạch TT phường Bắc Sơn	DGD	P. Bắc Sơn	1.00	HNK				2020
79	Trường Đại học Hạ Long	DGD	P. Nam Khê	49.21	LUC, HNK, CLN, NTS, DHT, ODT, NTD	QĐ 3258 QĐ /UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 28 tháng 11 năm 2013 Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/500 Trường Đại học Hạ Long giai đoạn 2 tại thành phố Uông Bí		BĐ ĐC phường Nam Khê	2017

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
80	Mở rộng trường tiểu học Lý Thường Kiệt	DGD	P. Thanh Sơn	0.02	DHT	QĐ số 7101/QĐ-UBND TP Uông Bí ngày 30 tháng 10 năm 2015 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình: Trường tiểu học Lý Thường Kiệt, phường Thanh Sơn, TP Uông Bí; hạng mục: nhà học 3 tầng		Tờ bản đồ số 74, Thửa 114; Thửa 75, tờ 47 BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2016
81	Mở rộng Trường tiểu học Trần Phú	DGD	P. Vàng Danh	0.01	ODT	QĐ số 7100/QĐ-UBND TP Uông Bí ngày 30 tháng 10 năm 2015 V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng Công trình: Trường tiểu học Trần Phú, phường Vàng Danh, TP Uông Bí; hạng mục: Nhà học 3 tầng		Thửa 32, Tờ 53 BĐ ĐC phường Vàng Danh đo vẽ năm 2004	2016
82	Mở rộng trường Hoàng Văn Thụ	DGD	P. Vàng Danh	0.10	CLN, ODT				
83	Trường tiểu học Lê Lợi (mở rộng khuôn viên, sân thể chất)	DGD	P. Quang Trung	0.96	HNK, DHT, ODT				2017
84	Trường mầm non chất lượng cao tại Phường Trung Vương, TP. Uông Bí	DGD	P. Trung Vương	0.41	HNK, CSD	QĐ 814/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 23/3/1017 về chấp thuận địa điểm nghiên cứu, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trường mầm non chất lượng cao tại phường Trung Vương, TP. Uông Bí			
-	Đường đầu nối hạ tầng giao (Trường mầm non chất lượng cao tại Phường Trung Vương)	DGT	P. Trung Vương	0.06	HNK				
-	Trường mầm non chất lượng cao (Trường mầm non chất lượng cao tại Phường Trung Vương)	DGD	P. Trung Vương	0.35	HNK, CSD				
85	Trường tiểu học, THCS chất lượng cao tại phường Yên Thanh	DGD	P. Yên Thanh	1.45	LUC, CLN	QĐ số 6433/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND TP Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng tổng thể 1/500 ; QĐ số 1345/QĐ-UBND ngày 27/03/2019 của UBND TP Uông Bí về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500			2017-2020
86	Trường mầm non tại khu 7 P. Quang Trung	DGD	P.Quang Trung	0.13	DGD	QĐ số 1052/QĐ-UBND ngày 08/04/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư cầu Lạc Trung	Văn bản số 579/HDND-KTNS ngày 15/10/2015 của thường trực hội đồng nhân dân tỉnh		2019
87	Trường mầm non tại phường Yên Thanh	DGD	P.Yên Thanh	0.31	DGD	QĐ số 7840/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND TP Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng lần 3 quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư khu đô thị Yên Thanh, phường Yên Thanh, TP Uông Bí	QĐ SỐ 704/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trường mầm non tại khu dân cư đô thị Yên Thanh		2019
88	Mở rộng trường mầm non xã Thượng Yên Công	DGD	X. Thượng Yên Công	0.10	CLN	QĐ số 3477/QĐ-UBND ngày 20/06/2018 v.v phê duyệt QH mặt bằng sử dụng đất mở rộng trường mầm non xã Thượng Yên Công; QĐ số 4176/QĐ-UBND ngày 30/07/2018 của UBND TP UB phê duyệt danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018	ng nghị quyết số 149/NQ-HDND ngày 07/12/2018 của HDND tỉnh Quảng Ninh		2018
89	Mở rộng trường THPT Uông Bí	DGD	P.Quang Trung	0.24	SON	QĐ số 1078/QĐ-UBND ngày 16/03/2016 của UBND TP UB về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ QH chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	Công văn 275/HDND-KTNS ngày 31/05/2018 của thường trực hội đồng nhân dân tỉnh	thửa số 6,18 tờ bản đồ 12 BDDC Phường Quang Trung	2018
2.1.3.4	Đất chợ			1.27					
90	Mở rộng chợ Phương Nam	DCH	P. Phương Nam	0.67	ODT, SON, DHT	QĐ số 3022/QĐ-UBND T.P Uông Bí ngày 13/05/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Chợ Phương Nam, phường Phương Nam, TP Uông Bí		Tờ bản đồ số 21, BDDC phường Phương Nam, đo vẽ năm 2004	2017
91	Đất chợ trong khu trung tâm xã Diên Công	DCH	X. Diên Công	0.60	LUC				2017 - 2020

**Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

*( Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
92	Chợ Nam Khê	DCH	P. Nam Khê	0.41	DHT	QĐ số 951/QĐ-UBND ngày 14/04/2011 của UBND tỉnh			2017-2020
93	Chợ Thanh Sơn	DCH	P.Thanh Sơn	0.27	DHT	QĐ số 2441/QĐ-UBND ngày 27/04/2015 của UBND TP Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; QĐ số 2057/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 về việc thay đổi nội dung quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 27/04/2015			2017-2020
2.1.3.5	<i>Đất năng lượng</i>			3.70					
94	Dự án đường dây điện 500kv Quảng Ninh - Hiệp Hoà, xã Thượng Yên Công	DNL	X. Thượng Yên Công	0.77	RSX	Quyết định số 4577/QĐ - UBND ngày 22/10/2013 của UBND TP Uông Bí phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	Nghị quyết 200/NQ-HĐND 15/7//2015	BĐDC xã Thượng Yên Công, đo vẽ năm 2004	2017
95	Đường điện 35KV đấu nối vào trạm điện áp 35/6KV số 1 3,200KVA thuộc Quy hoạch dự án DTXD hệ thống vận chuyển than từ kho than khe ngát ra cảng điện công-GD1	DNL	X. Điện Công	0.02	DHT	QĐ số 1000/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND TP UB về việc phê duyệt điều chỉnh lần 2 QH chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 kho khe ngát và hệ thống vận chuyển than từ kho khe ngát ra cảng điện công	Văn bản số 275/HĐND - KTNS ngày 31/05/2018 của thường trực HDND tỉnh		2018
96	Trạm biến áp 220KV Yên Hưng tại phường Minh Thành thị xã Quảng Yên và tuyến đường dây đấu nối từ đường dây 220KV Uông Bí - Trảng Bạch tại TP Uông Bí	DNL	Nam Khê, Bắc Sơn	0.53	DHT, RSX	Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh v/v phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng: Trạm biến áp 220KV Yên Hưng tại phường Minh Thành thị xã Quảng Yên và tuyến đường dây đấu nối từ đường dây 220KV Uông Bí - Trảng Bạch tại TP Uông Bí			2018
97	Cải tạo, nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110KV từ lộ 175 nhiệt điện Uông Bí đến trạm BA 110KV Chợ Rộc, thị xã Quảng Yên	DNL	Bắc Sơn, Trung Vương, Nam Khê	1.08	DHT, RSX	Quyết định 1589/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh v/v phê duyệt QH chi tiết tỷ lệ 1/500; Quyết định số 3797/QĐ-EVNNPC ngày 10/12/2018 của Tổng công ty ĐL Miền Bắc v/v phê duyệt BC nghiên cứu khả thi đầu tư XD DA			2018
98	Trạm biến áp 220 kV Khe Thần	DNL	X. Thượng Yên Công	1.30	RSX				2017-2020
2.1.3.6	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>			4.62					
99	Khu trung tâm thành phố	DVH	P. Quang Trung	2.20	DVH				2017
100	Quy hoạch trung tâm văn hóa, thể dục thể thao xã Thượng Yên Công	DVH	X. Thượng Yên Công	2.42	LUK	Quyết định số 6703/QĐ-UBND, ngày 16/10/2015, của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ BD số 3, BĐDC xã Thượng Yên Công, đo vẽ năm 2004	2016
-	<i>Quy hoạch nhà văn hóa</i>	DVH	X. Thượng Yên Công	1.88	LUK				
-	<i>Sân bóng đá</i>	DTT	X. Thượng Yên Công	0.54	LUK				
101	Trường quay phim cổ trang	DVH	X. Thượng Yên Công	14.47	TMD			Đã thể hiện trên BDHT năm 2014 xã Thượng Yên Công	2016
2.1.3.7	<i>Đất y tế</i>			19.12					
102	Mở rộng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện Việt Nam - Thủy Điện	DYT	P. Thanh Sơn	18.82	CLN, NTS, DHT, ODT	QĐ số 6690/QĐ-UBND TP. Uông Bí ngày 29 tháng 12 năm 2014 V/v phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết sử dụng đất tỷ lệ 1/500 Mở rộng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện Việt Nam - Thủy Điện tại phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ bản đồ số 38-40;46;47;53-57;61;62 BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2016
103	Mở rộng trung tâm y tế thành phố	DYT	P. Quang Trung	0.30	SKC			Tờ bản đồ số 41, BĐDC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	
2.1.3.8	<i>Đất thể thao</i>			1.73					
104	Đất thể thao thuộc quy hoạch trung tâm phường Bắc Sơn	DTT	P. Bắc Sơn	0.50	CLN				

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện	
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)	
105	Khu thể thao tại phường Yên Thanh	DTT	P. Yên Thanh	1.23	DTT	QĐ số 6600/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND TP Uông Bí về việc phê duyệt điều chỉnh lần 3 quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị và thương mại cầu Sến	QĐ số 1236/QĐ-UBND ngày 23/03/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án khu thể thao tại phường Yên Thanh		2019.00	
2.1.3.9	<b>Đất công trình công cộng khác</b>									
106	QH nhà để xe gom rác và điểm thu tiền điện	DCK	P. Yên Thanh	0.05	LUC, SKC	Quyết định 6691/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố Uông Bí "v/v phê duyệt mặt bằng Quy hoạch Nhà để xe gom rác và điểm thanh toán tiền điện khu vực Phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ bản đồ số 74, BĐ ĐC phường Yên Thanh đo vẽ năm 2004	2017	
2.1.4	<b>Đất có di tích lịch sử - văn hoá</b>			<b>934.21</b>						
107	Mở rộng diện tích thuộc quần thể di tích danh thắng Yên Tử	DDT	X. Thượng Yên Công	934.21	RSX, DDT, CSD	Quyết định số 3919/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết	Văn bản số 531/HĐND ngày 28/9/2015		2016-2017	
108	Nâng công xuất tuyến cáp treo 1 và 2 tại Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên tử	DDT	X. Thượng Yên Công	1.18	RDD				2017-2020	
109	Khu trung tâm lễ hội và dịch vụ du lịch tại khu vực bến xe Giải Oan xã Thượng Yên Công	DDT	X. Thượng Yên Công	18.50	RDD, DDT	QĐ số 4658/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án ; QĐ số 3919/QĐ-UBND ngày 07/07/2015 của UBND tỉnh ; QĐ số 7339/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh			2018-2020	Đã có trong bản đồ quy hoạch nhưng chưa
2.1.5	<b>Đất bãi thải, xử lý chất thải</b>			<b>20.52</b>						
110	Mở rộng bãi xử lý rác thải xóm Khe Giang	DRA	X. Thượng Yên Công	20.05	RSX	QĐ số 3873/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2015 V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu xử lý và chôn lấp chất thải rắn tại Khe Giang, xã TYC, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ BĐ số 3, BĐĐC xã Thượng Yên Công, đo vẽ năm 2004	2017	
111	Trạm xử lý nước thải cửa lò +320 khu Đông Vàng Danh	DRA	P. Vàng Danh	0.30	RPH				2017-2020	
112	Trạm xử lý nước thải cửa lò +260 khu Đông Vàng Danh	DRA	P. Vàng Danh	0.12	RPH				2017-2020	
2.1.7	<b>Đất ở tại nông thôn</b>			<b>32.82</b>						
113	Khu dân cư thôn 3 xã Diên Công	ONT	X. Diên Công	19.82	LUC, HNK, CLN, NTS, DHT, DSH, ONT	QĐ số 3253/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2015 V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết cấp đất dân cư tỷ lệ 1/500 tại thôn 3, xã Diên Công, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ bản đồ số 8, 9, 14, 15, BĐĐC xã Diên Công, đo vẽ năm 2009	2017	
-	Đất ở	ONT	X. Diên Công	9.06	LUC, HNK, CLN, NTS, DHT, ONT, DSH				2016	
-	Đất khu vui chơi giải trí	DKV	X. Diên Công	0.50	LUC, DHT, ONT				2016	
-	Đất thương mại dịch vụ	TMD	X. Diên Công	3.53	LUC					
-	Đất cơ sở giáo dục	DGD	X. Diên Công	0.45	LUC, DHT				2016	
-	Đất tín ngưỡng	TIN	X. Diên Công	0.12	LUC, ONT				2016	
-	Đất giao thông	DGT	X. Diên Công	6.16	LUC, HNK, CLN, NTS, DHT, ONT				2016	
114	Đất ở thôn Đồng Chanh	ONT	X. Thượng Yên Công	0.17	LUC			Tờ BĐ số 3, BĐĐC xã Thượng Yên Công, đo vẽ năm 2004	2017	
115	Đất ở thôn khe sú - Thượng Yên Công	ONT	X. Thượng Yên Công	0.33	LUC, CLN, DHT	Quyết định số 3651/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND thành phố Uông Bí "về việc phê duyệt điều chỉnh mặt bằng quy hoạch cấp đất ở xen cu tại thôn Khe Sú 1, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí".	Công văn số 687/HĐND-KTNS ngày 03/11/2016 của Thường trực HĐND tỉnh; Nghị quyết 44/NQ-HĐND 7/12//2016			

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
116	Đất ở xen cư thôn khe sú 1, xã Thượng Yên Công	ONT	X. Thượng Yên Công	0.45	LUC, CLN, DHT	Quyết định số 3652/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND thành phố Uông Bí "Về việc phê duyệt điều chỉnh mặt bằng quy hoạch cấp đất ở xen cư tại thôn Khe Sú 1, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí".	Công văn số 687/HĐND-KTNS ngày 03/11/2016 của Thường trực HĐND tỉnh; Nghị quyết 44/NQ-HĐND 7/12/2016		
117	Cấp đất ở thôn Nam mẫu - Thượng Yên Công	ONT	X. Thượng Yên Công	0.28	LUC	QĐ số 3386/ QĐ-UBND ngày 8/6/2017 của UBND TP. Uông Bí vv phê duyệt quy hoạch	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/12/2017		2018
118	Đất ở khu trung tâm xã thôn 1, thôn 2 xã Điền Công	ONT	X. Điền Công	5.89	LUC				
119	QH cấp đất ở xen cư thôn 1	ONT	X. Điền Công	2.71	LUC, CLN, HNK, DHT, CSD				2017 - 2020
-	Khu chuyển mục đích sử dụng đất ở xen cư thôn 1 (Địa điểm 1)	ONT	X. Điền Công	1.45	LUC, HNK, DHT, CSD	QĐ số 8829/QĐ- UBND TP Uông Bí ngày 30 tháng 12 năm 2015 V/v phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Điền Công, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh		Tờ 34 BĐ ĐC xã Điền Công đo vẽ năm 2009	2017 - 2020
-	Khu chuyển mục đích sử dụng đất ở xen cư thôn 1 (Địa điểm 2)	ONT	X. Điền Công	1.26	LUC, CLN, NTS, CSD	QĐ số 8829/QĐ- UBND TP Uông Bí ngày 30 tháng 12 năm 2015 V/v phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Điền Công, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh		Tờ 34 BĐ ĐC xã Điền Công đo vẽ năm 2009	2017 - 2020
120	QH cấp đất ở xen cư thôn 2	ONT	X. Điền Công	0.51	LUC, CLN				2017 - 2020
121	Điểm xen cư điểm số 3 thôn Nam Mẫu I	ONT	X. Thượng Yên Công	0.05	CLN	QĐ số 1783/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 vv QH cấp đất ở xen cư điểm số 3 thôn nam mẫu I ; QĐ số 7099/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của UBND TP UB vv phê duyệt kế hoạch đấu giá thu tiền sử dụng đất năm 2019			2019
122	Đất ở thôn Nam mẫu 1 - Thượng Yên Công	ONT	X. Thượng Yên Công	0.66	LUK				
123	Khu chuyển mục đích sử dụng đất ở xen cư ở xã Điền Công	ONT	X. Điền Công	0.50	CLN				
124	Khu chuyển mục đích sử dụng đất ở xen cư ở xã Thượng Yên Công	ONT	X. Thượng Yên Công	1.50	CLN				
125	Khu nhà ở xã hội tại xã Thượng Yên Công	ONT	X. Thượng Yên Công	1.30	CLN				1029
<b>2.1.8</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>				<b>0.00</b>				
126	Quy hoạch cấp đất dân cư tự xây tại tổ 16 khu 7	ODT	P. Bắc Sơn	0.55	CLN, DHT, CSD	Quyết định 5981/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND thành phố Uông Bí "Về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xen kẽ khu 7, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	Văn bản số 106/UBND ngày 17/01/2017 của UBND thành phố Uông Bí		2017
127	QH khu dân cư và nhà văn hóa thôn Chạp Khê	ODT	P. Nam Khê	1.20	HNK, CLN, ODT	Quyết định 2141/QĐ-UBND ngày 28/05/2012 của UBND thành phố Uông Bí về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	Nghị quyết 44/NQ-HĐND 7/12/2016	Thửa 43,71-75 Tờ bản đồ số 42, Thửa 123,142,121,117,119,147-149 Tờ bản đồ 51 BĐ ĐC phường Nam Khê, đo vẽ năm 2004	2017
128	Hạ tầng kỹ thuật cấp đất dân cư khu Nam Trung	ODT	P. Nam Khê	0.88	HNK, CLN, DHT, ODT, CSD	QĐ 2619/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND TP Uông Bí phê duyệt QH	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Thửa 183,189,190,186,181,196,203-229 Tờ bản đồ số 52, Thửa 67,68,13,14,24 Tờ bản đồ 53 BĐ ĐC phường Nam Khê, đo vẽ năm 2004	2016
129	Thu hồi đất chợ tạm sang đất ở phường Nam Khê	ODT	P. Nam Khê	0.30	DHT			Thửa 62 Tờ bản đồ 54 BĐ ĐC phường Nam Khê, đo vẽ năm 2004	2016

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
130	Khu dân cư xen kẽ khu Chạp Khê	ODT	P. Nam Khê	0.86	LUC, CSD	QĐ số 5448/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2012 về việc phê duyệt Mặt bằng quy hoạch cấp đất ở xen cư khu Chạp Khê phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh		Tờ bản đồ số 10, 18, 27, BĐ ĐC phường Nam Khê, đo vẽ năm 2004	2016
131	Nhóm nhà ở khu Nam Trung, phường Nam Khê	ODT	P. Nam Khê	1.60	LUC, NTS				2017 - 2020
132	QH khu đất ở trong khu trung tâm phường (Quy hoạch khu TT phường Nam Khê) (Vị trí 1-a đến 5-a)	ODT	P. Nam Khê	0.69	LUC, CLN, NTS, ODT, CSD				2017 - 2020
133	Quy hoạch khu đô thị Nam Khê dọc kênh N2	ODT	P. Nam Khê	2.62	LUC, HNK, CLN, NTS, DHT, NTD, CSD				2017 - 2020
134	Quy hoạch dân cư khu Nam Tân	ODT	P. Nam Khê	1.00	HNK, CLN, DHT, MNC				2016-2020
135	Đất ở xen cư tổ 4 khu Nam Tân	ODT	Nam Khê	0.10	CLN	QĐ số 6827/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 vv phê duyệt QH cấp đất ở xen cư tổ 4 khu Nam Tân , Phường Nm Khê; Nghị quyết HĐND số 39/NQ-UDDND ngày 30/07/2018 của HĐND phường Nam Khê		Trong tài liệu cho phép thực hiện năm 2018 anh đã gửi em hôm trước nhé	2018
136	Khu chuyển mục đích sử dụng đất ở xen cư Nam Sơn	ODT	P. Nam Khê	0.35	HNK, CLN				2017 - 2020
137	Khu chuyển mục đích sử dụng đất ở xen kẽ khu Tre Mai	ODT	P. Nam Khê	0.08	NTS				2017 - 2020
138	Điều chỉnh mở rộng nút giao thông Cầu Sến và khu Tái định cư	ODT	P. Phương Đông	3.84	LUC, ODT		Nghị quyết 229/NQ-HĐND ngày 12/12//2015		2017
-	Đất ở	ODT	P. Phương Đông	2.84	ODT, LUC				
-	Giao thông hạ tầng	DGT	P. Phương Đông	1.00	LUC				
139	Khu dân cư tự xây khu Tân Lập 2	ODT	P. Phương Đông	0.58	CLN, DHT			Tờ bản đồ số 43,60 BĐĐC phường Phương Đông, đo vẽ năm 2004	2016
140	Khu dân cư tự xây khu cầu Sến	ODT	P. Phương Đông	0.52	LUC			Tờ bản đồ số 80 BĐĐC phường Phương Đông, đo vẽ năm 2004	2016
141	Khu dân cư tự xây khu Tân Lập 1	ODT	P. Phương Đông	1.15	LUK, DHT	Tờ trình số 86/TTr-QLĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 V/v chờ duyệt Mặt bằng Quy hoạch cấp đất ở xen cư tại khu dân cư Yên Trung thuộc khu Tân Lập 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí		Tờ bản đồ số 59, 69 BĐĐC phường Phương Đông, đo vẽ năm 2005	2016
142	Khu dân cư tự xây khu Tân Lập	ODT	P. Phương Đông	0.36	LUC, DHT			Tờ bản đồ số 59, BĐĐC phường Phương Đông, đo vẽ năm 2005	2016
143	Đất ở khu xen cư Phương Đông	ODT	P. Phương Đông	1.91	CSD				2017 - 2020
144	Nhà văn hóa, trường mầm non và đất ở xen cư tại thôn Tân Lập,	ODT	P. Phương Đông	1.93	LUK, CLN, NTS, DHT, ODT, DSH, SON	QĐ số 570/QĐ-UBND, ngày 23/3/2011 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và dự toán lập quy hoạch công trình: QH chi tiết xây dựng Nhà văn hóa, trường mầm non và đất ở xen cư tại thôn Tân Lập, xã Phương Đông, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 200/NQ-HĐND 15/7//2015	Tờ bản đồ số 42, 59, BĐĐC phường Phương Đông, đo vẽ năm 2005	2017
145	KDC xen kẽ tại thôn Đồng Minh vị trí 1	ODT	P. Phương Đông	4.31	LUK, HNK, DHT				2017-2020
146	KDC xen kẽ tại thôn Đồng Minh vị trí 2	ODT	P. Phương Đông	5.56	LUK, HNK, CLN, DHT, SON	Quyết định 2545/QĐ-UBND vv phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu khai thác đất tại núi Hang Hùm, phường Quang Trung, TP Uông Bí			2017-2020
147	Khu thanh lý tập thể Cty cơ khí ô tô Uông bí	ODT	P. Phương Đông	0.60	SKC				2017-2020
148	Dự án đầu tư xây dựng - kinh doanh hạ tầng khu dân cư thôn Bí Trung, phường Phương Đông	ODT	P. Phương Đông	11.50	LUC		Công văn số 16/HĐND-KTNS ngày 18/1//2016	Tờ bản đồ số 75, 76, 88, 93, 94, BĐĐC phường Phương Đông, đo vẽ năm 2004	2017
149	Điểm dân cư 2 bên công khu Hiệp An 2	ODT	P. Phương Nam	0.40	LUC				2017-2020

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
150	Đất ở xen cư khu Bạch Đằng 1	ODT	P. Phương Nam	0.06	CLN	QĐ số 5749/QĐ-UBND ngày 19/09/2018 vv phê duyệt Qh mặt bằng ; QĐ số 7099/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của UBND TP UB phê duyệt kế hoạch đấu giá thu tiền sử dụng đất năm 2019			2018
151	Điểm dân cư trường tiểu học khu Hiệp An 2 (cửa nhà ông Quý)	ODT	P. Phương Nam	0.20	LUC, DHT				2017-2020
152	Điểm quy hoạch 2 bên đường Cẩm Hồng	ODT	P. Phương Nam	1.64	LUC, CLN				2017-2020
153	Khu đô thị Phương Nam	ODT	P. Phương Nam	98.00	LUC, CLN, NTS, SKC, DHT, ODT, NTD, SON, CSD				
154	Quy hoạch cấp đất dân cư khu Hiệp An 2	ODT	P. Phương Nam	0.24	LUC			Tờ bản đồ số 47, 48, BĐDC phường Phương Nam, đo vẽ năm 2008	2016
155	Đất ở xen cư khu Hồng Cẩm	ODT	P. Phương Nam	0.16	HNK	QĐ số 4189/ QĐ-UBND ngày 31/07/2018 của UBND TP UB phê duyệt điều chỉnh tổng mặt bằng QH ; QĐ số 7099/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của UBND TP UB phê duyệt kế hoạch đấu giá thu tiền sử dụng đất năm 2019			2018
156	Quy hoạch cấp đất dân cư khu Bạch Đằng 1	ODT	P. Phương Nam	0.20	CLN			Tờ bản đồ số 77, BĐDC phường Phương Nam, đo vẽ năm 2008	2017
157	Đầu tư hạ tầng KT khu dân cư tự xây phường Thanh Sơn ( đã thể hiện trên BĐHT)	ODT	P. Thanh Sơn	8.30	ODT			Đã thể hiện trên BĐHT năm 2014 phường Thanh Sơn	2016
158	Khu dân cư khu 3, phường Thanh Sơn	ODT	P. Thanh Sơn	0.85	CLN, ODT	Quyết định số 4142/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2015 V/v phê duyệt Quy hoạch cấp đất ở xen cư khu 3, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7/2016	Tờ BĐ số 77, 87, 88 BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2016-2017
159	Xây dựng cơ sở hạ tầng QH khu dân cư Tại tổ 2 khu 9 phường Thanh Sơn	ODT	P. Thanh Sơn	0.49	CLN	QĐ số 652/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND TP UB vv phê duyệt QH chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 ; QĐ số 5523/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của UBND TP UB về chủ trương đầu tư công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu QH cấp đất dân cư tổ 2 khu 9 phường Thanh Sơn	Văn bản số 275/HDND-KTNS ngày 31/05/2018 của Thường trực HĐND tỉnh		2018
160	Xây dựng hạ tầng fkhudân cư xen kẽ tại lâm trường cũ tổ 6 khu 3 phường Thanh Sơn	ODT	P. Thanh Sơn	0.41	CLN	QĐ số 77/QĐ-UBND ngày 31/03/2016 của UBND P Thanh Sơn phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình ; QĐ số 1438/QĐ-UBND ngày 19/05/2009 phê duyệt QH đất ở xen cư khu lâm trường ( cũ) ; QĐ số 6160/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 điều chỉnh 1 số nội dung trong QĐ số 77/QĐ-UBND ngày 31/03/2016	Văn bản số 275/HDND-KTNS ngày 31/05/2018 của Thường trực HĐND tỉnh		2018
161	Khu dân cư xen kẽ khu 9 Phường Thanh Sơn	ODT	P. Thanh Sơn	0.50	LUK	Quyết định 8830/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND thành phố Uông Bí "v/v phê duyệt Quy hoạch cấp đất ở nhỏ lẻ tỷ lệ 1/500, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí"	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7/2016	BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2017
162	Khu dân cư khu 10 Phường Thanh Sơn	ODT	P. Thanh Sơn	0.50	CLN			Tờ bản đồ số 24,25,31 BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2005	2018-2020
163	Khu dân cư xen kẽ khu 10 Phường Thanh Sơn	ODT	P. Thanh Sơn	0.87	LUC, DHT			Tờ bản đồ số 40 BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2018-2020
164	Khu dân cư xen kẽ đồi Lâm trường tổ 6 khu 3	ODT	P. Thanh Sơn	0.17	CLN			BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2017
165	Đất ở xen cư điểm số 02 tại tổ 7 khu 9 phường Thanh Sơn	ODT	P. Thanh Sơn	0.16	CLN	QĐ số 4155/QĐ-UBND ngày 30/07/2018 của UBND TP UB vv phê duyệt QH cấp đất ở ; QĐ số 7099/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của UBND TP UB phê duyệt kế hoạch đấu giá thu tiền sử dụng đất năm 2019			2018

**Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

*(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
166	Quy hoạch đất ở tổ 2 khu 9 phường Thanh Sơn	ODT	P. Thanh Sơn	0.60	CLN				2017 -2020
167	đầu tư xây dựng - kinh doanh hạ tầng Khu dân cư tại phường Thanh Sơn	ODT	Thanh Sơn	8.48	SKX, CLN, HNK, LUC, BCS, DHT	QĐ số 406//QĐ-UBND ngày 26/02/2014 của UBND tỉnh v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng -kinh doanh hạ tầng khu dân cư tại phường Thanh Sơn; QĐ số 4506/QĐ-UBND ngày 15/08/2017 của UBND TP UB về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500			2017-2020
168	Khu dân cư xen kẽ khu 3	ODT	P. Thanh Sơn	1.45	HNK, CLN, DHT, ODT	QĐ số 4142/QĐ-UBND TP.Ưông Bí ngày 20/7/2015 về việc phê duyệt quy hoạch cấp đất ở xen cư khu 3, phường Thanh Sơn, thành phố Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ BĐ số 77, 87, 88 BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2018
169	Khu dân cư xen kẽ tổ 1 khu 10	ODT	P. Thanh Sơn	1.85	NTS			Tờ bản đồ số 39, BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2018-2020
170	QH đất xen cư	ODT	P. Vàng Danh	3.27	LUK, CLN, DHT, NTD			BĐ ĐC phường Vàng Danh, đo vẽ năm 2004	2016-2020
171	QH đất ở Tổ 31 khu 5	ODT	P. Trung Vương	0.02	RSX			Thửa 319; 21; 22;Tờ bản đồ số 13 BDDC phường Trung Vương đo vẽ năm 2004	2016
172	Khu dân cư tại phường Trung Vương	ODT	P. Trung Vương	20.63	LUC, HNK, CLN, NTS, DHT, ODT, NTD, MNC	Quyết định số 4787 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại phường Trung Vương, thành phố Ưông Bí		Tờ bản đồ số 36;37 BDDC phường Trung Vương đo vẽ năm 2004	2016
173	Nhóm nhà ở tại khu 1 phường Trung Vương	ODT	P. Trung Vương	0.66	LUC, DHT, TSC	Quyết định 3051/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của UBND thành phố Ưông Bí "V/v Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án quy hoạch cấp đất dân cư khu 1, phường Trung Vương, thành phố Ưông Bí".	Nghị quyết 149 ngày 07/12/2018		2019
174	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư, tại Khu I	ODT	P. Trung Vương	6.40	SKC, ODT, DHT	QĐ số 2738/QĐ-UBND ngày 10/05/2017 của UBND TP Ưông Bí			2017-2020
175	Quy hoạch đất ở Trung Vương	ODT	P. Trung Vương	7.16	MNC	QĐ số 701a/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư và dịch vụ thương mại tại phường Trung Vương, TP Ưông Bí			
176	Thu hồi đất Viện kiểm soát nhân dân TP Ưông Bí sang đất ở	ODT	P. Yên Thanh	0.07	DTS			Tờ BĐ số 74 thửa 06, BDDC phường Yên Thanh, đo vẽ năm 2004	2016
177	Khu dân cư cầu Sến	ODT	P. Yên Thanh	3.80	NTS, DHT, ODT			Tờ BĐ số 65, 66, 76, 77, BDDC phường Yên Thanh, đo vẽ năm 2004	2016
-	Đất ở	ODT	P. Yên Thanh	1.63	NTS, ODT				
-	Đất hạ tầng	DGT	P. Yên Thanh	2.17	NTS,DHT				
178	Khu dân cư phía sau công ty Sao Vàng	ODT	P. Yên Thanh	1.12	LUK, DHT			Thửa 1-75;78-86,235-251Tờ BĐ số 67, BDDC phường Yên Thanh, đo vẽ năm 2004	2016
179	Quy hoạch cấp đất ở xen cư tổ 25 khu Phú Thanh Đông	ODT	P. Yên Thanh	0.06	NTS				2017 - 2020
180	Nhà ở liền kề 02 lô đất (kí hiệu SH1 và SH2) thuộc QHCT XD tỷ lệ 1/500 khu dân cư đô thị tại Yên Thanh	ODT	P. Yên Thanh	0.35	TMD	Văn bản số 1736/QĐ-UBND ngày 25/04/2019 của UBND tỉnh Quảng ninh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án ; ý kiến của sở XD số 3434/SXD-QH ngày 25/09/2018 của sở xây dựng v/v nghiên cứu quy hoạch lô nhà ở ( shophouse) tại lô TM1 thuộc quy hoạch khu dân cư đô thị Yên Thanh, QĐ số 1258/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 12/03/2019 v/v thu hồi 3561.4m2 đất của công ty TNHH retail miền bắc tại phường Yên Thanh	QĐ số 1736/QĐ-UBND ngày 25/04/2019 v/v chấp thuận chủ trương đầu tư		2019
181	Dự án dân cư, dịch vụ thương mại phường Yên Thanh	ODT	P. Yên Thanh	2.08	CLN, NTS, SKC, ODT				2016
-	Đất ở (Khu đô thị Phương Nam)	ODT	P. Phương Nam	42.26	LUC, CLN, NTS, SKC, DHT, ODT, NTD, SON, CSD				

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
-	Đất khu vui chơi giải trí (Khu đô thị Phương Nam)	DKV	P. Phương Nam	15.41	LUC, CLN, NTS, SKC, DHT, ODT, NTD, SON, CSD				
-	Đất giáo dục (Khu đô thị Phương Nam)	DGD	P. Phương Nam	4.94	LUC, CLN, NTS, SKC, DHT, ODT, NTD, SON, CSD				
-	Mặt nước chuyên dùng (Khu đô thị Phương Nam)	MNC	P. Phương Nam	5.72	LUC, CLN, NTS, SKC, DHT, ODT, NTD, SON, CSD				
-	Đất thương mại - dịch vụ (Khu đô thị Phương Nam)	TMD	P. Phương Nam	9.93	LUC, CLN, NTS, SKC, DHT, ODT, NTD, SON, CSD				
-	Đất giao thông (Khu đô thị Phương Nam)	DGT	P. Phương Nam	19.74	LUC, CLN, NTS, SKC, DHT, ODT, NTD, SON, CSD				
-	Đất ở đô thị	ODT	P. Yên Thanh	31.23	LUC, LUK, NTS, DHT, NTD, SKX				
-	Đất giáo dục	DGD	P. Yên Thanh	2.27	NTS				
-	Đất văn hóa, vui chơi giải trí	DVH	P. Yên Thanh	3.00	NTS				
-	Đất giao thông	DGT	P. Yên Thanh	47.00	LUC, NTS, DHT, ODT, NTD, MNC, CDS				
-	Đất thể thao	DTT	P. Yên Thanh	3.72	NTS				
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	P. Yên Thanh	12.78	CLN,NTS				
182	Khu đô thị Đông Yên Thanh	ODT	P. Yên Thanh	18.07	LUC, NTS, DHT, ODT, NTD, MNC, CDS	Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 về việc chấp thuận đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đông Yên Thanh, phường Yên Thanh; Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 07/01/2011 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ số 10, 17, 25, 87, 93 - BĐĐC phường Yên Thanh đo vẽ năm 2004	2017
183	Khu đô thị phường Yên Thanh - Tân Thành	ODT	P. Yên Thanh	35.73	LUC, DHT, ODT, NTD	QĐ Số 3668/QĐ-UBND ngày 14/11/2008 phê duyệt QH; QĐ Số 2269/QĐ-UBND ngày 24/7/2009 điều chỉnh QH lần 1; QĐ số 2030/QĐ-UBND ngày 13/8/2013 điều chỉnh QH		Tờ 81;82;83;89;90 BĐ ĐC xã Diên Công đo vẽ năm 2004	2017
184	Khu dân cư CBCNV nhà máy giấy Sao Vàng	ODT	P. Yên Thanh	3.27	CSD			Tờ BĐ số 62, 68, BĐĐC phường Yên Thanh, đo vẽ năm 2004	2016
185	Khu đô thị Việt Long	ODT	P. Yên Thanh	17.90	CSD				2017
186	Khu tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	ODT	Yên Thanh	10.62	LUK, NTS, CLN				2017-2020
187	Cấp đất xen cư Đông đường Bí Giàng	ODT	P. Yên Thanh	0.50	CSD				2017-2020
188	Khu Tái định cư Máng Lao	ODT	P. Vàng Danh	9.09	LUC, CLN, RSX, DHT, ODT, SON, CSD				2017 - 2020
189	Khu dân cư phía đông cầu Miếu Thán	ODT	P. Vàng Danh	0.84	CLN, DHT				2017-2020
190	Khu dân cư phía Tây TTGD thường xuyên TP Uông Bí	ODT	P. Quang Trung	1.00	SON	TB số 445a/TB-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 về việc xin đầu tư xây dựng công trình: Quy hoạch cấp đất phía tây Trung tâm giáo dục thường xuyên thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ BĐ số 12, 18, 19, BĐ ĐC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2016

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
191	Khu dân cư đô thị cầu Lạc Trung	ODT	P. Quang Trung	8.45	LUC, HNK, NTS, DHT, NTD, SON	Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 8/4/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư cầu Lạc Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	Công văn số 579/NQ-HĐND 15/10//2015	Tờ bản đồ số 50, 51, 57, 58, BĐĐC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2017
-	Đất ở	ODT	P. Quang Trung	3.42	LUC, HNK, NTS, NTD, SON				
-	Đất hạ tầng, cây xanh	DHT	P. Quang Trung	5.03	LUC, DHT				
192	Quy hoạch dân cư khu 7 trại cây giống	ODT	P. Quang Trung	1.29	NTS		Nghị quyết 200/NQ-HĐND 15/7//2015	BĐĐC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	
193	Khu dân cư xen kẽ khu 12 Quang trung	ODT	P. Quang Trung	0.48	LUC				2017-2020
194	Dự án Quy hoạch cấp đất dân cư xen kẽ khu 7 phường Quang Trung	ODT	P. Quang Trung	3.00	LUK, HNK, SON	QĐ số 3033/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2015 V/v phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh chi tiết sử dụng đất tỷ lệ 1/500 công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư, dân cư tại phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 200/NQ-HĐND 15/7//2015	Tờ bản đồ số 32, 33, 42, 43, BĐĐC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2016-2017
195	Thu hồi trụ sở UBND, Công An P. Quang Trung, chỉ cục thuế TP UB, phòng GDDT sang đất ở	ODT	P. Quang Trung	0.46	TSC, CAN, DTS, ODT			Tờ bản đồ số 40 BĐĐC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2016
196	Khu dân cư xen kẽ 43A khu 12	ODT	P. Quang Trung	0.36	HNK				2016
197	Khu dân cư xen kẽ 45C khu 12	ODT	P. Quang Trung	0.46	HNK	QĐ số 1580/QĐ-UBND ngày 09/04/2019 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư xen kẽ tại tổ 45C, khu 12, Phường Quang Trung, TP Uông Bí			2018-2020
198	Khu dân cư tự xây hạ lưu sông Sinh khu 11	ODT	P. Quang Trung	3.42	LUK, CLN, NTS, DHT, ODT, SON		Nghị quyết 200/NQ-HĐND 15/7//2015	BĐĐC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2017
199	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tự xây tổ 25A khu 7, phường Quang Trung	ODT	P. Quang Trung	0.48	HNK, SKX		Công văn số 687/HĐND-KTNS ngày 03/11/2016 của Thường trực HĐND tỉnh; Nghị quyết 44/NQ-HĐND 7/12//2016		2017
-	Đất ở trong khu đô thị Nam Khê dọc kênh N2	ODT	P. Nam Khê	0.92	LUC, HNK, CLN, NTS, DHT				
-	Đất hạ tầng trong khu đô thị Nam Khê dọc kênh N2	DGT	P. Nam Khê	1.70	LUC, HNK, CLN, NTS, DHT, CSD				
-	Đất ở	ODT	P. Phương Đông	5.76	LUC				2016
-	Đất năng lượng (Trạm điện)	DNL	P. Phương Đông	0.04	LUC				2016
-	Đất giao thông	DGT	P. Phương Đông	5.70	LUC				2016
-	Đất giao thông trong khu xen cư Tân Lập	DGT	P. Phương Đông	0.81	LUK, CLN, NTS, DHT, ODT, DSH				2017 - 2020
-	Đất ở tại đô thị trong khu xen cư Tân Lập	ODT	P. Phương Đông	0.78	LUK, CLN, NTS, DHT, ODT, DSH, SON				2017 - 2020
-	QH xây dựng trường mầm non, nhà văn hóa khu Tân Lập	DGD	P. Phương Đông	0.34	LUK, DHT				2017 - 2020
-	QH đất ở (KDC xen kẽ tại thôn Đồng Minh vị trí 1)	ODT	P. Phương Đông	2.00	LUK, HNK, DHT				
-	QH hạ tầng trong khu dân cư (KDC xen kẽ tại thôn Đồng Minh vị trí 1)	DGT	P. Phương Đông	2.30	HNK				
-	QH đất rác (KDC xen kẽ tại thôn Đồng Minh vị trí 1)	DRA	P. Phương Đông	0.01	HNK				
-	QH đất ở (KDC xen kẽ tại thôn Đồng Minh vị trí 2)	ODT	P. Phương Đông	1.90	LUK, HNK, CLN, DHT, SON				

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
-	QH đất khu vui chơi, giải trí công cộng (KDC xen kẽ tại thôn Đồng Minh vị trí 2)	DKV	P. Phương Đông	0.33	BHK, DHT				
-	QH đất giao thông trong khu dân cư (KDC xen kẽ tại thôn Đồng Minh vị trí 2)	DGT	P. Phương Đông	3.33	LUC, HNK, CLN, DHT				
-	Đất ở trong khu tái định cư Máng Lao	ODT	P. Vàng Danh	4.94	LUC, CLN, RSX, DHT, ODT, SON, CSD				2017 - 2020
-	Đất giáo dục trong khu tái định cư Máng Lao	DGD	P. Vàng Danh	1.27	LUC, CLN, DHT				2017 - 2020
-	Đất giao thông trong khu tái định cư Máng Lao	DGT	P. Vàng Danh	2.88	LUC, CLN, RSX, DHT, ODT, SON, CSD				2017 - 2020
-	Đất ở	ODT	P. Trung Vương	6.98	LUC, LUK, HNK, CLN, NTS, DHT, ODT, NTD, MNC				2016
-	Trạm xử lý nước thải	DRA	P. Trung Vương	0.17	NTS, DHT, MNC				2016
-	Nhà văn hóa	DSH	P. Trung Vương	0.24	HNK, DHT, ODT				2016
-	Đất khu vui chơi, giải trí	DKV	P. Trung Vương	0.48	LUC, HNK, DHT, ODT, NTD				2016
-	Đất thương mại dịch vụ	TMD	P. Trung Vương	0.72	LUC, HNK, NTS, DHT, ODT				2016
-	Đất giáo dục	DGD	P. Trung Vương	0.86	LUC, LUK, HNK, NTS, DHT, MNC				2016
-	Đất giao thông	DGT	P. Trung Vương	11.18	LUC, HNK, NTSS, DHT, ODT, NTD, MNC				2016
-	Đất ở Khu dân cư khu 1 phường Trung Vương	ODT	P. Trung Vương	0.28	LUC				2017
-	Đất hạ tầng giao thông Khu dân cư khu 1 phường Trung Vương	DGT	P. Trung Vương	0.38	LUC, CLN, DHT				2017
-	Đất ở	ODT	P. Yên Thanh	7.52	LUC, NTS, DHT, ODT, NTD, MNC, CSD				2016
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	P. Yên Thanh	1.37	LUC, NTS, DHT, CSD				2016
-	Đất cơ sở y tế	DYT	P. Yên Thanh	0.14	LUC				2016
-	Đất giáo dục đào tạo	DGD	P. Yên Thanh	0.17	NTS				2016
-	Đất khu vui chơi giải trí	DKV	P. Yên Thanh	0.64	LUC, NTS, DHT				2016
-	Đất giao thông	DGT	P. Yên Thanh	8.23	NTS, DHT, MNC, CSD				2016
-	Đất ở	ODT	P. Yên Thanh	10.53	LUC, DHT, ODT, NTD				2016
-	Đất thương mại dịch vụ	TMD	P. Yên Thanh	2.59	LUC, DHT				2016
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	P. Yên Thanh	0.24	LUC				2016
-	Đất giáo dục	DGD	P. Yên Thanh	1.76	LUC, DHT				2016
-	Đất khu vui chơi giải trí	DKV	P. Yên Thanh	1.38	LUC, DHT				2016
-	Đất giao thông	DGT	P. Yên Thanh	11.07	LUC, DHT, NTD				2016
-	Đất ở	ODT	P. Yên Thanh	1.45	CSD				2016
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	P. Yên Thanh	0.05	CSD				2016
-	Đất giao thông	DGT	P. Yên Thanh	1.77	CSD				2016
-	Đất ở trong khu đô thị Việt Long	ODT	P. Yên Thanh	6.94	CSD				
-	Đất cây xanh vườn hoa trong khu đô thị Việt Long	DKV	P. Yên Thanh	0.74	CSD				
-	Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị Việt Long	DGT	P. Yên Thanh	9.32	CSD				
-	Đất sân thể thao trong khu đô thị Việt Long	DTT	P. Yên Thanh	0.37	CSD				
-	Đất nhà sinh hoạt trong khu đô thị Việt Long	DSH	P. Yên Thanh	0.12	CSD				
-	Đất nhà trẻ trong khu đô thị Việt Long	DGD	P. Yên Thanh	0.27	CSD				
-	Đất trạm điện trong khu đô thị Việt Long	DNL	P. Yên Thanh	0.03					
-	Đất Trạm xử lý nước thải trong khu đô thị Việt Long	DRA	P. Yên Thanh	0.11	CSD				

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
200	Biệt thự sông Uông	ODT	P. Quang Trung	32.00	SKX, ODT, SKC, LUK, CLN, NTS, HNK, DHT, SON	QĐ số 356/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 về việc phê duyệt dự án đầu tư; QSS số 2258/QĐ-UBND ngày 20/07/2011 về phê duyệt điều chỉnh QH chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; QĐ số 2582/QĐ-UBND ngày 10/07/2018 phê duyệt danh mục các dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư		Tờ BĐ số 07, 18, 19, BĐ ĐC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2005	2016
-	Đất ở	ODT	P. Quang Trung	6.31	LUK, CLN, NTS, SKC, DHT, ODT, SKX, SON				2016
-	Đất thương mại dịch vụ	TMD	P. Quang Trung	1.03	DHT, ODT, SKX, SON				2016
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	P. Quang Trung	0.18	SKC, DHT, SKX,				2016
-	Đất khu vui chơi, giải trí	DKV	P. Quang Trung	0.22	NTS, SKX				2016
-	Đất giáo dục (Nhà trẻ)	DGD	P. Quang Trung	0.28	NTS				2016
-	Đất thể thao	DTT	P. Quang Trung	0.76	LUK, HNK, CLN, DHT				2016
-	Đất trạm bơm	DTL	P. Quang Trung	0.12	LUK, HNK, CLN, NTS, DHT				2016
-	Đất ở	ODT	P. Quang Trung	15.15	LUK, CLN, NTS, SKC, DHT, ODT, SKX, SON				
-	Đất thương mại dịch vụ	TMD	P. Quang Trung	2.03	NTS, DHT, ODT, SKX, SON				
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	P. Quang Trung	0.18	SKC, DHT, SKX,				
-	Đất khu vui chơi giải trí	DKV	P. Quang Trung	2.22	NTS, SKX				
-	Đất giáo dục	DGD	P. Quang Trung	1.28	NTS				
-	Đất thể thao	DTT	P. Quang Trung	1.76	LUK, HNK, CLN, DHT,				
-	Đất trạm bơm	DTL	P. Quang Trung	0.18	LUK, HNK, CLN, NTS, DHT				
-	Đất giao thông	DGT	P. Quang Trung	8.00	LUK, NTS, SKC, DHT, ODT, SKX, SON				2016
-	Đất giao thông	DGT	P. Quang Trung	9.20	LUK, NTS, SKC, DHT, ODT, SKX, SON				
201	Khu dân cư khu 5B P. Quang Trung	ODT	P. Quang Trung	2.94	LUK, CLN, NTS, DHT, ODT, SON	Quyết định số 5554/QĐ-UBND ngày 22/09/2016 của UBND thành phố Uông Bí về phê duyệt quy hoạch chi tiết	Nghị quyết 44/NQ-HĐND 7/12/2016	Tờ bản đồ số 4, 7, 91, BĐĐC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2017
-	Đất ở	ODT	P. Quang Trung	1.01	LUK, HNK, CLN, NTS, DHT, ODT				2016
-	QH nhà trẻ	DGD	P. Quang Trung	0.13	LUK				2016
-	Đất giao thông	DGT	P. Quang Trung	1.80	LUK, HNK, CLN, NTS, DHT, ODT, SON				2016

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
202	Trường trung học cơ sở chất lượng cao và khu dân cư đô thị tại khu 5A	ODT	P. Quang Trung	9.73	LUK, HNK, CLN, RSX, NTS, DHT, ODT	QĐ số 4409/QĐ-UBND, ngày 10/10/2014 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình: CSHT quy hoạch cấp đất dân cư khu 5A, phường Quang Trung	Nghị quyết 200/NQ-HĐND 15/7/2015	Tờ 03, 88, 89 BĐDC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2017
-	Trường trung học cơ sở chất lượng cao Quang Trung	DGD	P. Quang Trung	2.80	HNK, DHT, ODT				
-	Khu dân cư đô thị tại khu 5A	ODT	P. Quang Trung	4.40	LUK, CLN, RSX, NTS, DHT, ODT				
-	Đường giao thông trong khu đô thị	DGT	P. Quang Trung	2.53	LUK, HNK, CLN, RSX, NTS, SKC, DHT, ODT,				
201	Nhóm nhà ở tại khu 3 phường Quang Trung	ODT	P. Quang Trung	1.44	CLN, DHT	QĐ số 2493/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của UBND TP Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở tại khu 3 phường Quang Trung			2019
202	Khu dân cư phía Tây kênh làm mát	ODT	P. Quang Trung	10.04	LUC, LUK, HNK, CLN, DHT, MNC, CSD	QĐ 3149/QĐ-UBND TP. Uông Bí, ngày 30 tháng năm 2014 Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tự xây phía Tây kênh làm mát Nhà máy điện Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7/2016	Tờ bản đồ số 61, 94, 95, 99, 100 BĐDC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2018
-	Đất ở	ODT	P. Quang Trung	3.27	LUC, LUK, CSD				
-	Đất hạ tầng kỹ thuật	DHT	P. Quang Trung	4.67	HNK, CLN, CSD				
-	Đất văn hóa, vui chơi giải trí	DVH	P. Quang Trung	2.10	MNC, CSD				
203	QH khu dân cư và nhà ở cho cán bộ vũ trang	ODT	P. Nam Khê	4.54	LUC	QĐ số 684/QĐ-UBND ngày 21/3/2011 V/v phê duyệt chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và nhà ở cho cán bộ sĩ quan các lực lượng vũ trang tại Phường Nam Khê, TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7/2016	tờ 36, 61 BĐDC phường Nam Khê đo vẽ năm 2004	2018
-	Khu dân cư khu 4	ODT	P. Bắc Sơn	2.00	HNK, CLN, DHT, ODT, CSD				2017
-	Đất ở cho hộ gia đình sau trụ sở công an TP Uông Bí	ODT	P. Phương Nam	7.62	LUC, CLN, NTS, DHT				2017
204	Khu xen cư khu 11 (giáp thôn 3 xã Điền Công)	ODT	P. Quang Trung	6.20	LUK, NTS, DHT, ODT, SKX		Nghị quyết 200/NQ-HĐND 15/7/2015		2017
-	Đất ở	ODT	P. Quang Trung	3.46	LUK, NTS, ODT, SKX				
-	Đất cây xanh hạ tầng	DHT	P. Quang Trung	2.74	LUK, NTS, DHT, ODT				
205	Khu dân cư khu 7	ODT	P. Quang Trung	0.60	SON, CLN		Nghị quyết 200/NQ-HĐND 15/7/2015		2017
206	Hạ tầng khu dân cư xen kẽ khu 7	ODT	P. Quang Trung	0.40	CLN	QĐ số 6339/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND TP UB v/v phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình ; QĐ số 3868A/QĐ-UBND ngày 03/07/2017 của UBND TP UB về chủ trương đầu tư công trình	Văn bản số 275/HDND - KTNS của thường trực HDND tỉnh		2018
207	Khu dân cư khu 8	ODT	Khu 8 - P. Quang Trung	2.02	LUK, HNK, NTS, DHT, ODT,		Nghị quyết 200/NQ-HĐND 15/7/2015	Tờ bản đồ số 41, BĐDC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2018
-	Đất ở	ODT	P. Trung Vương	3.00	MNC				

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
-	Hạ tầng vui chơi giải trí	DKV	P. Trung Vương	4.70	MNC				
<b>2.1.9</b>	<b>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</b>			<b>14.55</b>					
208	Quy hoạch xây dựng trụ sở cơ quan Phường Quang Trung	TSC	P. Quang Trung	0.58	CSD			Tờ bản đồ số 30 BĐDC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2016
209	khu trung tâm hành chính của thành phố	TSC	P. Yên Thanh	12.13	LUC				2017.202
210	Khu Trung tâm hành chính - chính trị phường Nam Khê	TSC	P. Nam Khê	1.84	LUC		Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7/2016	Tờ bản đồ số 20, BĐ DC phường Nam Khê, đo vẽ năm 2004	
211	Trụ sở Tòa án TP. Uông Bí	TSC	P. Yên Thanh	0.46	LUC				2017-2020
212	Trụ sở đội quản lý thị trường số 6	TSC	P. Phương Nam	0.42	LUC	QĐ số 3240/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2015 Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 6, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7/2016	Tờ bản đồ số 64, BĐDC phường Phương Nam, đo vẽ năm 2004	2016
213	Trụ sở làm việc của Bảo hiểm xã hội TP. Uông Bí	TSC	P. Yên Thanh	0.20	LUC	QĐ số 6163/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND TP Uông Bí phê duyệt Qh chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	Văn bản số 275/HDND-KTNS ngày 31/05/2018 của Thường trực HĐND tỉnh		2017-2020
214	Trụ sở viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí	TSC	Yên Thanh	0.20	LUC	QĐ số 4369/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND tỉnh			2017-2020
<b>2.1.10</b>	<b>Đất tôn giáo</b>								
215	Nhà nguyện giáo họ Vàng Danh	TON	P. Vàng Danh	0.22	CLN, DSH	QĐ số 2672/QĐ-UBND ngày 04/05/2017 của UBND tỉnh vv phê duyệt QH tổng mặt bằng tỷ lệ 1/200	Văn bản số 275/HDND-KTNS ngày 31/05/2018 của Thường trực HĐND tỉnh		2018
<b>2.1.11</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</b>			<b>39.61</b>					
216	Trung tâm hỏa táng và công viên nghĩa trang tại phường Thanh Sơn và P. Phương Đông	NTD	P. Phương Đông và P. Thanh Sơn	32.54	LUC, CLN, RSX, RPH, DHT, ODT, MNC	Quyết định 842/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh "V/v Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm hỏa táng và Công viên nghĩa trang tại phường Thanh Sơn và phường Phương Đông, thành phố Uông Bí",	Công văn số 687/HĐND-KTNS ngày 03/11/2016 của Thường trực HĐND tỉnh; Nghị quyết 44/NQ-HĐND 7/12/2016	Tờ bản đồ số 2;5;10;11 BDDC phường Phương Đông đo vẽ năm 2004	2016
-	Trung tâm hỏa táng và công viên nghĩa trang tại phường Thanh Sơn và P. Phương Đông	NTD	P. Phương Đông	23.46	RPH, RSX	Quyết định 842/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh "V/v Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm hỏa táng và Công viên nghĩa trang tại phường Thanh Sơn và phường Phương Đông, thành phố Uông Bí",	Công văn số 687/HĐND-KTNS ngày 03/11/2016 của Thường trực HĐND tỉnh; Nghị quyết 44/NQ-HĐND 7/12/2016	Tờ bản đồ số 2;5;10;11 BDDC phường Phương Đông đo vẽ năm 2004	2016
-	Trung tâm hỏa táng và công viên nghĩa trang tại phường Thanh Sơn và P. Phương Đông	NTD	P. Thanh Sơn	9.08	LUC, CLN, DHT, ODT, MNC	Quyết định 842/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh "V/v Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm hỏa táng và Công viên nghĩa trang tại phường Thanh Sơn và phường Phương Đông, thành phố Uông Bí",	Công văn số 687/HĐND-KTNS ngày 03/11/2016 của Thường trực HĐND tỉnh; Nghị quyết 44/NQ-HĐND 7/12/2016	Tờ bản đồ số 2;5;10;11 BDDC phường Phương Đông đo vẽ năm 2004	2017

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
217	Mở rộng Nghĩa trang, nghĩa địa thôn Miếu Bông	NTD	X. Thượng Yên Công	1.13	CLN	QĐ số 1487 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2013 Về việc phê duyệt Mặt bằng Quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân thôn Miếu Bông, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ BĐ số 3, BĐĐC xã Thượng Yên Công, đo vẽ năm 2004	2016
218	Mở rộng Nghĩa trang, nghĩa địa thôn Đồng Chanh	NTD	X. Thượng Yên Công	1.00	RSX	QĐ số 1488/QĐ-UBND TP Uông Bí ngày 23 tháng 4 năm 2013 V/v phê duyệt mặt bằng Quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/500 nghĩa trang nhân dân thôn Đồng Chanh, xã Thượng Yên Công, TP Uông Bí	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7//2016	Tờ BĐ số 2, BĐĐC xã Thượng Yên Công, đo vẽ năm 2004	2016
219	Quy hoạch nghĩa trang khe sú	NTD	X. Thượng Yên Công	1.33	RSX				
220	Nghĩa trang nhân dân 314	NTD	P. Vàng Danh	3.61	NTD, CSD				
<b>2.1.12</b>	<b>Đất khu vui chơi giải trí</b>								
220	Dự án công viên Safari tại phường Phương Đông	DKV	P. Phương Đông	65.16	LUK, HNK, CLN, RPH,RSX, NTS, DHT, ODT	QĐ 2369 ngày 21/6/2017 QĐ- UBND Vv phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu công viên Safari tại phường Phương Đông TP Uông Bí			2017-2020
-	Hạ tầng khu vui chơi	DKV	P. Phương Đông	28.44	LUK, HNK, CLN, RSX, NTS, DHT, ODT,				
-	Đất rừng sinh thái	RPH	P. Phương Đông	36.72	RPH				
221	Công trình xây dựng vườn hoa Trần Phú phường Quang Trung	DKV	P. Quang Trung	0.12	ODT	QĐ số 5396/QĐ-UBND của UBND thành phố Uông Bí ngày 20 tháng 8 năm 2015 về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch xây dựng Vườn hoa, Nhà để xe gom rác phố Trần Phú, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí		Tờ bản đồ số 20 BĐĐC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2016
222	Khu vui chơi tại khu 7, phường Vàng Danh	DKV	P. Vàng Danh	1.54	LUC, CLN			Tờ bản đồ số 116 BĐ ĐC phường Vàng Danh đo vẽ năm 2004	2017 - 2020
223	Quy hoạch xây dựng hồ công viên	DKV	P. Quang Trung, P. Thanh Sơn	14.30	CLN, DHT, ODT, DTS, DSH, SON				
-	Quy hoạch xây dựng hồ công viên phường Quang Trung	DKV	P. Quang Trung	9.41	CLN, DHT, ODT, DTS, DSH, SON				
-	Quy hoạch xây dựng hồ công viên phường Thanh Sơn	DKV	P. Thanh Sơn	4.89	CLN, ODT, DHT, SON				
<b>2.1.13</b>	<b>Đất xây công trình của tổ chức sự nghiệp</b>			<b>1.39</b>					
224	Dự án xây dựng nhà làm việc và các công trình phụ trợ khác phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu mô của Trung Tâm cấp cứu mô - Vinacomin	DTS	P. Phương Đông	1.39	CLN	QĐ 4714/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2016 Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Trạm cấp cứu mô Uông Bí - Trung tâm cấp cứu mô Vinacomin tại phường Phường Đông, TP Uông Bí			2018
<b>2.2.1</b>	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>			<b>7.19</b>					
225	Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm tại P. Yên Thanh	CLN	P. Bắc Sơn	7.19	CLN				2016-2020
<b>2.2.2</b>	<b>Đất trồng lúa</b>			<b>69.04</b>					
226	Quy hoạch vùng chuyên trồng lúa nước	LUC	P. Phương Nam	57.76	LUK				
227	Quy hoạch vùng chuyên trồng lúa nước	LUC	P. Phương Đông	11.28	LUK				
<b>2.2.3</b>	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>			<b>17.61</b>					
228	QH vùng nuôi trồng thủy sản tập trung P. Quang Trung	NTS	P. Quang Trung	17.61	NTS, CSD				2017-2020
<b>2.2.4</b>	<b>Đất rừng phòng hộ</b>			<b>159.34</b>					
229	Quy hoạch rừng phòng hộ	RPH	P. Yên Thanh	80.00	NTS				2017 - 2020
230	Quy hoạch rừng phòng hộ	RPH	X. Điện Công	50.00	NTS				
231	Quy hoạch rừng phòng hộ	RPH	P. Bắc Sơn	159.34	CSD				2020
<b>2.2.5</b>	<b>Đất nông nghiệp khác</b>			<b>26.16</b>					
232	Trang trại trồng cây sinh thái phường Thanh Sơn	NKH	P. Thanh Sơn	6.35	CLN, RSX, NKH			Tờ bản đồ số 30;31;37;38 BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2016

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
233	Khu chăn nuôi tập trung xã Thượng Yên Công	NKH	X. Thượng Yên Công	4.00	LUC, CLN,				2016-2020
234	Vườn ươm cây phục vụ công tác phục hồi sinh thái, cảnh quan	NKH	X. Thượng Yên Công	5.81	RSX	QĐ số 3957/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2015 V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Vườn ươm cây phục vụ công tác phục hồi sinh thái cảnh quan tại xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Nghị quyết 26/NQ-HĐND 27/7/2016	Tờ BĐ số 1, BĐĐC xã Thượng Yên Công, đo vẽ năm 2004	2016
235	Xây dựng đất trang trại	NKH	P. Phương Nam	10.00	NKH				
<b>2.2.6</b>	<b>Đất rừng sản xuất</b>			<b>193.12</b>					
236	Quy hoạch đất rừng sản xuất	RSX	P. Phương Nam	56.82	NTS				
237	Quy hoạch đất rừng sản xuất	RSX	P. Yên Thanh	7.46	NTS				
238	Quy hoạch đất rừng sản xuất	RSX	P. Bắc Sơn	0.00	CSD				
239	Đất rừng sản xuất P. Vàng Danh	RSX	P. Vàng Danh	110.98	CSD				
240	Đất rừng sản xuất ở xã Thượng Yên Công	RSX	X. Thượng Yên Công	17.86	CSD				
<b>2.2.7</b>	<b>Rừng đặc dụng</b>			<b>108.85</b>					
241	Rừng đặc dụng ở Thượng Yên Công	RDD	X. Thượng Yên Công	108.85	RSX				
<b>2.2.8</b>	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>			<b>1045.26</b>					
242	Trung tâm mua bán xe ô tô (công ty Đông Đô)	TMD	P. Yên Thanh	0.36	HNK, NTD			Thửa số 05 Tờ số 71, BĐĐC phường Yên Thanh đo vẽ năm 2004	2016
243	Cửa hàng xăng dầu Thượng Yên Công ( tại thôn Nam Mẫu)	TMD	X. Thượng Yên Công	0.27	NTD				2017
244	Khu du lịch và đô thị sinh thái hai bên đường hành hương Yên Tử	TMD	X. Thượng Yên Công	188.00	LUC, LUK, CLN, RSX, DHT, ONT, MNC				2019-2020
245	Khu sinh thái Lũng Xanh	TMD	P. Quang Trung	346.12	LUC, RSX, CLN				2017 - 2020
246	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ	TMD	P. Phương Nam	9.00	NTS				2017 - 2020
247	QH Khu dịch vụ hồ Yên Trung	TMD	P. Phương Đông	480.34	LUK, HNK, CLN, RPH, RSX, NTS, DHT, ODT, MNC	QĐ số 6411/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dịch vụ du lịch tại khu Dốc Đò 2, Phường Phương Đông, thành phố Uông Bí		Tờ bản đồ số 4, 5, 7-11, 13-18, 20-23, 25, 32-34, BĐĐC phường Phương Đông, đo vẽ năm 2004	2017-2020
-	Đất thương mại dịch vụ	TMD	P. Phương Đông	152.02	LUK, HNK, CLN, RSX, NTS,				
-	Đất ở đô thị	ODT	P. Phương Đông	31.40	LUK, HNK, CLN, RSX, ODT				
-	Đất khu vui chơi sinh thái và nghỉ dưỡng	DKV	P. Phương Đông	36.64	LUK, HNK, CLN, RSX,				
-	Đất văn hóa	DVH	P. Phương Đông	21.96	LUK, HNK, CLN, RSX,				
-	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	P. Phương Đông	84.90	LUK, HNK, NTS, MNC				
-	Đất rừng sinh thái	RPH	P. Phương Đông	97.33	RPH				
-	Đất hạ tầng kỹ thuật khu sinh thái hồ yên trung	DGT	P. Phương Đông	48.56	LUK, HNK, CLN, RSX, DHT				
248	Khu dịch vụ hai bên tuyến đường lên chùa Ba Vàng	TMD	P. Quang Trung	21.17	RSX	TB số 701-TB/UB TP Uông Bí ngày 17 tháng 4 năm 2014 V/v kết luận của ban thường vụ thành ủy TP Uông Bí về chủ trương lập quy hoạch khu dịch vụ hai bên tuyến đường lên chùa Ba Vàng			2017 - 2020
249	Siêu thị trung tâm Vincom+ Uông Bí	TMD	P. Yên Thanh	1.02	LUC, BCS	QĐ số 1155/QĐ-UBND ngày 17/04/2017 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án siêu thị vincom Uông Bí tại phường Yên Thanh			2017-2020

Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
250	Khu dịch vụ tổng hợp khu 10	TMD	Quang Trung	0.30	SKC				2018-2020
251	Cửa hàng xăng dầu Thượng Yên Công (thôn Miếu Bồng)	TMD	Thượng Yên Công	0.20	CLN				2017-2020
252	Khu văn phòng, bến bãi, kho xưởng chế biến cung ứng vật liệu xây dựng	TMD	Phương Nam	2.30	SKC	QĐ số 2169/QĐ-UBND ngày 18/06/2018 của UBND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án			2017-2020
<b>2.2.9</b>	<b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>			<b>45.42</b>					
253	Khu bến bãi và SXVLXD Đá Bạc	SKC	P. Phương Nam	2.45	DHT, SON			Tờ bản đồ số 113, 114, BĐDC phường Phương Nam, đo vẽ năm 2004	2016
254	Quy hoạch bến bãi giáp NMXM Lam Thạch	SKC	P. Phương Nam	3.24	NTS			Tờ bản đồ số 94, 95, BĐDC phường Phương Nam, đo vẽ năm 2004	2016
255	Mở rộng cảng Điện Công	SKC	P. Quang Trung, Xã Điện Công	20.85	ODT, SON			Tờ bản đồ số 28, 29, BĐDC xã Điện Công đo vẽ năm 2009 và tờ bản đồ số 117, 121, 122, BĐDC phường Quang Trung, đo vẽ năm 2004	2016
-	Mở rộng cảng Điện Công	SKC	P. Quang Trung	17.70	ODT, SON				2016
-	Mở rộng cảng Điện Công	SKC	X. Điện Công	3.15	SON				2017-2020
256	Mở rộng nhà máy cơ khí	SKC	P. Phương Nam	9.80	CLN				
257	Nhà máy cơ khí tổ 10 khu 7	SKC	P. Bắc Sơn	1.20	DHT, CSD			Thửa số 64, tờ BĐ số 47, BĐDC phường Bắc Sơn, đo vẽ năm 2004	2017
258	Xây dựng xưởng sửa chữa và gia công cơ khí	SKC	P. Bắc Sơn	0.06	DHT, ODT				2017 - 2020
259	Nhà máy gạch phường Thanh Sơn	SKC	P. Thanh Sơn	5.96	CLN, SKC, SKX			Tờ 7, 18, 19, 26, BDDC phường Thanh Sơn đo vẽ năm 2004	2017
260	Khu giết mổ gia súc tập trung tại khu Bãi To, thôn Miếu Thán	SKC	P. Vàng Danh	1.86	LUK	QĐ số 900/QĐ-UBND, ngày 12/02/2015 của UBND thành phố Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm giết mổ gia súc tập trung tại khu Bãi To, thôn Miếu Thán, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	Nghị quyết 200/NQ-HĐND 15/7//2015	Thửa 163 - 174, 105 - 108, 120, 127, 200, Tờ 117, BDDC phường Vàng Danh đo vẽ năm 2004	2017
261	Mở rộng nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng	SKC	Thanh Sơn	1.07	SKX	QĐ số 2483/UBND-QLDD3 ngày 16/04/2019 của UBND tỉnh			2019
262	Nhà máy Gạch Tuynel	SKC	Thanh Sơn	8.73	SKC, CLN, HNK, SON, DHT, CSD	QĐ số 5128/QĐ-UBND ngày 18/09/2017 của UBND TP UB về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; QĐ số 4602/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư			2019
263	mở rộng Nhà máy sản xuất, chế biến nhựa thông tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	SKC	P. Phương Đông	2.50	LUK, CLN				2018-2020

**Biểu 10/CH: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020 THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**

*(Kèm theo Quyết định số: 2608/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Địa điểm	Diện tích QH (ha)	Sử dụng vào loại đất	Căn cứ pháp lý (phê duyệt địa điểm, chấp nhận chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết xây dựng, văn bản ghi vốn ...)	Văn bản chấp thuận	Vị trí bản đồ địa chính (tờ bản đồ) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Năm thực hiện
		(3)	(4)		(8)			(10)	(9)
264	Khu văn phòng, nhà xưởng sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và gạch xi măng cốt liệu không nung	SKC	Phương Nam	2.60	SKX	QĐ số 2166/QĐ-UBND ngày 18/06/2018 của UBND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án			2018-2020
265	Khu văn phòng, nhà xưởng sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm	SKC	Phương Nam	1.90	SKX	QĐ số 2168/QĐ-UBND ngày 18/06/2018 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án			2018-2020
266	Khu văn phòng và nhà xưởng sản xuất	SKC	P.Phương Đông	3.03	NTS	Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 23/06/2016 của UBND TP Uông Bí về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500			2017-2020
<b>2.2.11</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>			<b>15.27</b>	<b>0.00</b>				
267	Chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư tại phường Vàng Danh	ODT	P. Vàng Danh	1.50	CLN				
268	Chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư tại phường Bắc Sơn	ODT	P. Bắc Sơn	1.30	CLN				
269	Chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư tại phường Yên Thanh	ODT	P. Yên Thanh	1.00	CLN				
270	Chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư tại phường Nam Khê	ODT	P. Nam Khê	0.80	CLN				
271	Chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư tại phường Phương Nam	ODT	P. Phương Nam	0.50	CLN				
272	Chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư tại phường Phương Đông	ODT	P. Phương Đông	3.77	CLN				
273	Chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư tại phường Trung Vương	ODT	P. Trung Vương	0.30	CLN				
274	Chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư tại phường Quang Trung	ODT	P. Quang Trung	2.50	CLN				
275	Chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư tại phường Thanh Sơn	ODT	P. Thanh Sơn	3.60	CLN				
<b>2.2.12</b>	<b>Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm</b>	<b>SKX</b>		<b>104.90</b>					
276	Khai thác núi đá vôi làm vật liệu xây dựng của công ty Phương Nam tại núi Xiên Tai	SKX	P. Phương Nam	8.16	NTS, SKC, SKX, DHT, SON, CSD				2017 - 2020
277	Dự án khai đất để san lấp mặt bằng dự án khu đô thị phường Trung Vương và các dự án trên địa bàn TP Uông Bí	SKX	P. Trung Vương	14.56	CLN,RSX				2019
278	Khu khai thác đất phường Thanh Sơn - Phương Đông	SKX	P. Thanh Sơn - P. Phương Đông	11.80	RSX,SKX				2019
279	Dự án đầu tư mở rộng khu khai thác đất tại khu 7 phường Bắc Sơn	SKX	P. Bắc Sơn	62.30	RSX,SKX	Căn cứ QĐ số 4126 ngày 17/9/2014 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đất ở xen cư đất tự xây khu 7 phường Bắc Sơn TP Uông Bí			2019
280	Mỏ sét Khe Giang	SKX	X. Thượng Yên Công	8.08	LUK, CLN, RSX, CSD				2017
281	Khu khai thác sét sản xuất vật liệu xây dựng tại xã Thượng Yên Công	SKX	X. Thượng Yên Công	8.60	RSX	QĐ số 4161/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu khai thác sét sản xuất vật liệu xây dựng tại xã Thượng Yên Công, TP Uông Bí			2017-2020
282	Khu khai thác đất núi Hang Hùm	SKX	P.Quang Trung	19.74	CLN, RSX, SKC, DHT				2017-2020
283	Khu vực khai thác mỏ đá vôi Phương Nam của công ty CP xi măng và xây dựng Quảng Ninh	SKX	P. Phương Nam	102.54	LUC, LUK, CLN, RSX, NTS, DHT, ODT, MNC, SON, CSD	Tờ trình số 859/TTr-KTH ngày 14/2/2011 về việc duyệt chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực khai thác mỏ đá vôi Phương Nam và tuyến đường vận chuyển về nhà máy xi măng Lam Thạch			2017
<b>2.2.13</b>	<b>Đất mặt nước chuyên dùng</b>			<b>51.74</b>					
284	Quy hoạch hồ chứa nước 12 khe tại P. Bắc Sơn	MNC		51.74	LUK,HNK,CLN, RSX				2017-2020















































































































































































































































































































































































































